

09 khoá tốt nghiệp bậc đại học. Đội ngũ cán bộ - giảng viên cơ hữu ngày một lớn mạnh, cùng với đội ngũ giảng viên thỉnh giảng uy tín, đảm bảo chất lượng hoạt động điều hành và đào tạo của Nhà trường. Tính đến hết năm học 2022 - 2023, Nhà Trường có 01 Giáo sư, 16 Phó Giáo sư, 65 Tiến sĩ và 226 Thạc sĩ, trong đó nhiều giảng viên, nghiên cứu viên được đào tạo bài bản, dài hạn ở các nước phát triển. Với Chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2035, Nhà trường tự tin đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế. Kết quả khảo sát gần nhất cho thấy 95% sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, trong đó có 87% số lượng sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành (*đợt khảo sát tháng 11/2022*). Những con số trên phản ánh trung thực năng lực đào tạo của Nhà trường trong việc đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Về cơ cấu tổ chức: gồm 09 khoa đào tạo chuyên ngành gồm (*Khoa Kinh tế - Quản trị; Khoa Kế toán - Tài chính; Khoa Công nghệ; Khoa Kỹ thuật; Khoa Khoa học sức khỏe; Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Truyền thông và Thiết kế và Khoa Khoa học cơ bản*), 09 phòng chức năng (*Phòng Đại học, Phòng Sau đại học, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính - Kế toán,; Phòng Thanh tra - Pháp chế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác sinh viên và Phòng Quản trị thiết bị*), 02 Trung tâm (*Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp và Cựu người học*) và 01 Viện Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học công nghệ.

Về kiểm định chất lượng: Trải qua 12 năm hình thành và phát triển ở môi trường đại học, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã khẳng định được thương hiệu của mình trên bản đồ giáo dục Việt Nam. Tháng 6/2018, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai được công nhận đạt “tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Quốc gia” ở lần kiểm định cơ sở giáo dục đầu tiên; tháng 8/2023, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục lần 2. Trường có 11 chương trình được công nhận đạt kiểm định chất lượng quốc gia vào năm 2019, 2020, 2021 (*ngành Công nghệ thực phẩm; ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; ngành Công nghệ thông tin; ngành Kế toán; ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lễ hành; ngành Công nghệ chế tạo máy; ngành Ngôn ngữ Anh; ngành Tài chính – Ngân hàng; ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô; ngành Quản trị kinh doanh; ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ*).

Về hợp tác quốc tế: Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường hướng đến mục tiêu phát triển Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai trở thành trường đại học nghiên cứu, có uy tín quốc tế, và phát triển bền vững. Trường duy trì hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới thông qua các chương trình trao đổi ngắn hạn (*chương trình thực tập, chương trình trao đổi văn hoá, chương trình nghiên cứu ngắn hạn...*) và những chương trình khoa học công nghệ có sự tham gia của các nhà khoa học danh tiếng trên thế giới. Chương trình hợp tác quốc tế được xây dựng trên tinh thần tạo ra giá trị cốt lõi trong đào tạo, cung cấp cho người học những trải nghiệm có giá trị, tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo cơ hội cho sinh viên trở thành những “công dân toàn cầu”, sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau, xác lập được vị trí trên thị trường lao động quốc tế. Một số hoạt động hợp

tác quốc tế nổi bật của Nhà trường như: chương trình đưa sinh viên đi trao đổi tại Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản; chương trình tiếp đón sinh viên quốc tế và trao đổi văn hoá.

Về cơ sở vật chất: Cơ sở của Trường đặt tại địa chỉ Đường Nguyễn Khuyến, Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với diện tích xây dựng hiện hữu là 34.024 m², gồm các công trình là giảng đường, phòng học lý thuyết; khu thí nghiệm, thực hành; Trung tâm Thông tin - Thư viện; khu Ký túc xá; Khu Thể thao; Khu hiệu bộ hành chính và các công trình phụ trợ khác như khu căn tin, bãi giữ xe,... Môi trường học tập khang trang, hiện đại với môi trường sinh thái xanh, tuyệt đẹp là niềm tự hào của sinh viên trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

- *Ký túc xá*: Ký túc xá của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8/2009 (*giai đoạn còn là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Đồng Nai*), nằm trong khuôn viên Nhà trường, thuận tiện việc học tập, sinh hoạt vui chơi thể thao. Có 05 tầng (Trệt, 2, 3, 4, 5) 80 phòng và 560 chỗ ở với tổng diện tích sàn: 5181m². Tầng trệt là canteen, gần nhà để xe, Trung tâm thể thao, cách Trung tâm Thư viện 50m. Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và học tập của sinh viên: phủ sóng mạng wifi, canteen, các khu vực cung cấp nước nóng miễn phí, nhà để xe. Ký túc xá ưu tiên cho sinh viên các tỉnh về học tập, đặc biệt là sinh viên năm nhất. Sinh viên có thể đăng ký chỗ ở ký túc xá ngay trong ngày làm thủ tục nhập học đầu khóa.

- *Hội trường, phòng học, thư viện*: Hội trường của Trường có sức chứa 600 chỗ và các phòng học lớn trên 200 chỗ (01 phòng), Phòng học từ 50 - 100 chỗ (40 phòng), phòng học dưới 50 chỗ (10 phòng), phòng học đa phương tiện (01 phòng) và Trung tâm Thông tin - Thư viện.

- *Phòng thực hành và thí nghiệm*: Ngoài các cơ sở vật chất đã nêu trên, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai còn có 40 phòng thí nghiệm, phòng thực hành, chuyên dụng sau:

+ Phòng mô phỏng nghiệp vụ dành cho sinh viên Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh (*Phòng thực hành Nhà hàng khách sạn và Phòng kinh doanh*).

+ Phòng cabin sử dụng thi tiếng anh và 15 phòng học tiếng anh chuyên dụng cho ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác.

+ Phòng thí nghiệm của ngành Môi trường và Công nghệ Sinh học (05 phòng): với rất nhiều thiết bị như: Bếp hồng ngoại, bộ lọc chân không, cân phân tích, cân kỹ thuật, dụng cụ đếm vi sinh, hệ thống chưng cất mẫu, máy BOD, máy bơm định lượng, máy DO, máy đo độ dẫn điện, máy đo độ ồn, máy đo nhiệt độ, độ ẩm không khí, máy khuấy từ gia nhiệt, máy li tâm, máy đo pH, máy quang phổ, máy so màu, máy chưng cất nước, máy đo vi khí hậu, máy lọc CO₂, thiết bị đốt nóng mẫu, tủ sấy, tủ ẩm, máy vortex, máy ly tâm, máy đo tiếng ồn, máy rửa siêu âm, tủ hút khí độc, tủ cấy vi sinh, dụng cụ đếm vi sinh, hệ thống chưng cất mẫu, máy khuấy, máy li tâm, máy điện di, máy chạy PCR, máy lắc, kính hiển vi, máy đo OD, máy sấy thăng hoa, tủ sấy, tủ ủ, máy phá đập, máy đo UV-Vis...,

+ Phòng thí nghiệm Khối ngành sức khỏe: Ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (04 phòng): gồm các loại thiết bị, dụng cụ phục vụ chăm sóc, điều trị, phục

hội chức năng cho người bệnh, mô hình, đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu và phân tích mẫu phục vụ xét nghiệm y học.

- + Xưởng thực hành cơ khí - ô tô (khu thực hành nhà F): 06 phòng.
- + Phòng thực tế ảo Innovation Lab (khu thực hành nhà F): 02 phòng.
- + Phòng Lab tin học: 03 phòng.
- + Phòng thực hành studio: 01 phòng.

- *Trung tâm Thông tin - Thư viện*: được thiết kế một tòa nhà 2 tầng, Nhà C có diện tích sử dụng 3.123 m² bao gồm:

+ Kho sách tiếng Việt và kho sách Ngoại văn, khu vực đọc chuyên sâu của các chuyên ngành đào tạo (*kho tài liệu môn học*), kho luận văn/luận án/khoá luận tốt nghiệp, khu vực học tập chung với 500 chỗ ngồi riêng biệt theo mô hình không gian mở, khu vực nghiên cứu với hệ thống máy tính tra cứu tài liệu, truy cập cơ sở dữ liệu, khu vực đọc báo - tạp chí, 03 phòng hội thảo, 03 phòng học nhóm, 16 máy tính phục vụ bạn đọc tra cứu và sử dụng tài liệu điện tử, 38 máy lạnh công suất lớn,... nhằm cung cấp không gian, dịch vụ và nguồn tài liệu học thuật phong phú phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học.

+ *Về nguồn tài liệu*: hiện nay thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, bao gồm: Giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng Việt (3.949 đầu sách tương đương 9.861 bản), Giáo trình, sách tham khảo, sách nước ngoài (1.941 đầu sách tương đương 6.348 bản).

+ *Cơ sở dữ liệu trực tuyến (sachweb.com)*: với hơn 2.400 ebook bao gồm các loại tài liệu đọc trực tuyến như: Giáo trình, kinh tế, văn hóa xã hội... cùng với gần 20 nguồn tài nguyên truy cập mở thu thập từ các nguồn trong nước và trên thế giới.

+ *Hợp tác liên thư viện*: Thư viện Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tăng cường hợp tác chia sẻ tài liệu với các cơ sở giáo dục và trung tâm thông tin - thư viện như hợp tác với Trường Đại học Mở - Địa chất Hà Nội, Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ, Trường Đại học Bình Dương, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Đông Á, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch,... Ngoài ra Thư viện cũng là thành viên của Trung tâm Tri thức số: Kết nối thư viện số dùng chung - Đổi mới sáng tạo là “Trung tâm tri thức số” đầu tiên của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam cung cấp tri thức số cho Hệ tri thức Việt số hóa của Chính phủ. Tích hợp tri thức số khoa học quốc gia, khu vực và quốc tế, tối ưu hóa hệ tri thức số quốc gia.

+ *Phần mềm quản lý*: Với việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện Thư viện đang sử dụng các phần mềm Quản lý Thư viện tích hợp phần mềm CDS giúp quản lý bổ sung, biên mục, lưu thông, quản lý tài liệu điện tử, phân hệ quản lý tài nguyên môn học, báo tạp chí chuyên ngành và mục lục tra cứu công cộng trực tuyến thông qua cổng thông tin Thư viện số <https://lib.dntu.edu.vn>.

1.2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành

1.2.1. Sự phù hợp về nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo đảm bảo hội nhập quốc tế

Tại Kỳ họp Quốc hội thứ 6, khóa XV, nhiều đại biểu thảo luận nhiều vấn đề, trong có nội dung về thiếu nguồn lao động chất lượng cao trong các ngành kinh tế trọng điểm, ngành kinh tế mới. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là lao động ở ngành mũi nhọn cần được quan tâm, vì đây là một trong những nhân tố tác động mạnh mẽ đến tăng trưởng kinh tế bền vững.

Đồng Nai là địa phương thu hút nhiều DN về đầu tư, phát triển công nghiệp. Hiện trên địa bàn tỉnh có 31 khu công nghiệp đi vào hoạt động, thu hút hàng chục ngàn DN đầu tư kinh doanh sản xuất. Do đó, nhu cầu tuyển dụng lao động là rất lớn. Hàng năm, tỉnh cần bổ sung thêm khoảng 80 ngàn lao động, trong đó trên 17 ngàn lao động kỹ thuật trình độ trung cấp trở lên. Riêng năm 2022, tỉnh đã giải quyết việc làm cho trên 81 ngàn lượt lao động, đạt trên 101% kế hoạch năm. Đặc biệt, những năm gần đây, khi DN ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, nhu cầu tuyển dụng lao động tay nghề tăng lên. Việc tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng được coi là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa có tính chiến lược lâu dài nhằm tạo sự đột phá trong công tác giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng thị trường lao động linh hoạt hiện nay.

Hiện nay, ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học không chỉ giữ vai trò trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp như: dầu khí, vật liệu xây dựng, sơn, dược phẩm, mỹ phẩm, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tổng hợp vật liệu, chế biến thực phẩm, đồ uống... mà còn có vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng nền nông nghiệp, công nghiệp xanh, giảm thiểu việc sử dụng các hóa chất vô cơ độc hại gây ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống của con người và môi trường. Có thể nói, trong quá trình xây dựng, hình thành và phát triển của các lĩnh vực, đều có vai trò lớn của ngành hóa học nói chung cũng như ngành công nghệ kỹ thuật hóa học nói riêng. Trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ kỹ thuật hóa học được áp dụng để tổng hợp, chiết tách các hoạt chất quý trong tự nhiên có nguồn gốc từ thực vật làm thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng giúp phòng và hỗ trợ điều trị bệnh, thuốc trừ sâu sinh học, chất màu và chất bảo quản thực phẩm... có nguồn gốc từ thiên nhiên, an toàn cho sức khỏe con người và thân thiện với môi trường. Trong lĩnh vực môi trường, công nghệ kỹ thuật hóa học góp phần quan trọng trong xử lý chất thải, tận thu, khép kín chu trình sử dụng các tài nguyên thiên nhiên, giúp chúng ta có môi trường sống trong lành, đảm bảo phát triển bền vững,... Nhìn chung, những phát minh trong lĩnh vực hóa học đã trở thành cú hích làm thay đổi toàn bộ cuộc sống của con người. Không phải ngẫu nhiên mà sự khởi đầu của Cách mạng Công nghiệp lần thứ nhất trùng với sự khởi đầu của ngành công nghiệp hóa chất vào nửa cuối thế kỷ 18. Dấu ấn của hóa học từ lâu đã hiện diện trong mọi mặt đời sống như: công nghiệp công nghệ cao như điện tử (chế tạo vi mạch, màn hình LED, OLED...), công nghiệp thực phẩm (thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm), công nghệ y dược (xét nghiệm, phát triển thuốc, vắc xin) sản xuất hàng tiêu dùng (sơn, nhựa, cao su, mực in, dệt nhuộm ...), nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc), môi trường (xử lý nước thải, đánh giá tác động môi trường) hay cả sự bùng nổ của các sản phẩm tiên tiến từ công nghệ nano. Chính vì vậy, ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học đang thu hút sự quan tâm của cộng đồng: bao gồm người học, doanh nghiệp và xã hội. Ngày 14/7/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 841/QĐ-TTg năm 2023 ban hành Lộ

trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030. Trong đó có những mục tiêu liên quan đến công nghệ kỹ thuật hóa học như: Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi; Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững.

Hóa chất được xác định là ngành công nghiệp nền tảng, ưu tiên phát triển, thời gian qua Việt Nam đã và đang đẩy mạnh thu hút đầu tư về vốn, công nghệ trong lĩnh vực này. Một năm sau ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2040 (Quyết định số 726/QĐ-TTG ngày 16/6/2022), bức tranh về thu hút đầu tư vào ngành hóa chất đã có nhiều thay đổi.

1.2.2. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo:

Với sứ mệnh “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng dựa trên nền tảng công nghệ và trải nghiệm; nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao tri thức đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững” của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học được tổ chức đào tạo theo định hướng ứng dụng với chuyên ngành là Công nghệ hóa thực phẩm và hệ thống dược; Công nghệ Hóa Hương liệu mỹ phẩm; Năng lượng tái tạo.

Việc mở ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học hoàn toàn phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của nhà trường. Mở ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học góp phần xây dựng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai thành:

(1) Trường Đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học, công nghệ và Kỹ thuật.

(2) Trường Đại học định hướng ứng dụng

Trung tâm nghiên cứu khoa học – chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế, phát triển bền vững và phục vụ cộng đồng

1.2.3. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học:

- Nhu cầu nhân lực của quốc gia:

Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đã ký Nghị quyết số 81/2023/QH15 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nghị quyết nêu rõ, tầm nhìn đến năm 2050, Việt Nam là nước phát triển, thu nhập cao, có thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; quản trị xã hội trên nền tảng xã hội số hoàn chỉnh. Theo đó, nền kinh tế vận hành theo phương thức của kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực tăng trưởng chủ yếu.

Nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có vai trò hết sức to lớn đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại nói riêng. Họ là lực lượng chủ yếu trong việc xây dựng hệ thống cơ sở khoa học - thực tiễn giúp Đảng và Nhà nước xác định đường lối chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển

đất nước; đồng thời là lực lượng nòng cốt trong triển khai thực hiện các đường lối, chính sách đó.

Nhu cầu nhân lực của địa phương

Theo dự thảo báo cáo giữa kỳ quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Đồng Nai định hướng sẽ phát triển 17 đô thị, tăng thêm 6 đô thị so với thời điểm hiện tại. Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 75-80%. Với tỷ lệ đô thị hóa đó, toàn tỉnh sẽ có 17 đô thị. Trong đó, đô thị Biên Hòa sẽ là đô thị loại I, với đa số tiêu chí đạt chất lượng đô thị trung tâm của thành phố loại I trực thuộc Trung ương. Cùng với đó, 2 đô thị Long Khánh, Nhơn Trạch sẽ là những đô thị loại II. Các đô thị Trảng Bom và Long Thành sẽ là những đô thị loại III. Đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh cũng sẽ có 6 đô thị loại IV là TX.Thống Nhất và các thị trấn: Vĩnh An, Long Giao, Gia Ray, Định Quán, Tân Phú. Thời gian tới, Đồng Nai được đánh giá có rất nhiều tiềm năng để tạo ra sự bứt phá phát triển. Đồng Nai có vị trí địa lý hết sức thuận lợi cộng với các cơ hội mới là độ mở của nền kinh tế khi Việt Nam là một trong những quốc gia tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA).

Bên cạnh đó, là một trong những tỉnh đầu tiên phát triển về ngành công nghiệp-xây dựng trên cả nước, Đồng Nai đã thu hút được lượng lớn lao động từ các nơi khác về sinh sống và làm việc, tạo nên nguồn dân cư đông đúc trong nhiều năm nay. Theo Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai, năm 2021, tổng dân số tỉnh Đồng Nai là 3.169.100 người, giảm 0,3% so với năm 2020, trong đó dân số nam là 1.608.900 người, chiếm 50,8% và dân số nữ là 1.560.200 người, chiếm 49,2%. Năm 2021, tỉnh Đồng Nai có dân số đứng thứ 4 cả nước và thứ 2 vùng Đông Nam Bộ, đóng góp 3% dân số Việt Nam và 17% dân số Đông Nam Bộ. Trong giai đoạn 2010-2021, dân số tỉnh tăng trưởng ở mức 1,9%/năm, cao hơn trung bình cả nước là 1,1%, và có tốc độ tăng trưởng cao thứ 3 vùng Đông Nam Bộ, sau TP. HCM (2,0%) và Bình Dương (4,7%). Mức độ tăng trưởng có giảm nhẹ trong những năm gần đây, cụ thể trong giai đoạn 2016-2021 đạt 1,4%/năm, thấp hơn so với giai đoạn 2010-2015 là 2,3%. Ngoài ra, dân số thành thị của tỉnh năm 2021 của tỉnh đạt 1.418.650 người, tương đương với 44,8% tổng dân số tỉnh, dân số nông thôn đạt 1,750.460 người, tương ứng với tỷ lệ 55,2%.

Nhu cầu nhân lực trên thế giới

Kỹ thuật Hóa học được biết đến là ngành “xương sống” của nền kinh tế, đi đầu trong phát triển khoa học và công nghệ. Kỹ thuật Hóa học không phải chỉ tập trung vào khoa học cơ bản mà tập trung vào tính ứng dụng trong thực tiễn như ứng dụng hóa học cho sức khỏe con người, phục vụ nhu cầu làm đẹp,... Mặc dù dựa trên nền kiến thức của hóa học nhưng Công nghệ Kỹ thuật Hóa học còn được kết hợp thêm nhiều kiến thức khác như Toán, Kỹ thuật,... Đặc biệt, ngành học này còn tạo ra sản phẩm cho xã hội để ứng dụng trong nghiên cứu hoặc ứng dụng trong thực tiễn. Với khả năng tạo ra được đa dạng các sản phẩm phục vụ trong đời sống như vậy cùng nhu cầu “khát” nhân lực ở cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp quốc tế, nhà máy sản xuất,... Cơ hội việc làm dành cho sinh viên sau khi ra trường rất rộng mở như làm việc tại các viện nghiên cứu, các công ty, doanh nghiệp nước ngoài.

Kết quả khảo sát

Theo kết quả khảo sát về nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học cho thấy nhu cầu là khá lớn. Cụ thể, trong thời gian từ tháng 10/08/2023 đến tháng 20/09/2023 khoa đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học từ các đối tượng là các bên liên quan đến nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học bao gồm: Nhà tuyển dụng và Cựu sinh viên của Khoa Công nghệ về ngành Công nghệ kỹ thuật Hóa học thu được 59 phiếu với kết quả như sau:

TT	Nội dung		Ý kiến nhà tuyển dụng (Doanh nghiệp)	Ý kiến cựu sinh viên
1	Ủng hộ Nhà trường đào tạo Ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	Ủng hộ hoàn toàn	94%	98%
2	Mức độ quan tâm của CTĐT Ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	Rất quan tâm, quan tâm	94%	93%
3	Sự cần thiết	Rất cần thiết	72,7%	78,6%
		Cần thiết	24,2%	19,7%
		Không cần	3%	3,6%
4	Nhu cầu đào tạo	SL/ DN	1-2 (nhiều nhất 3)	0-3
		Nhu cầu ngày, càng sớm càng tốt và thời gian tới	82%	70%
		Năm 2022,2023	80%	79%
		Sau 2024	25%	20%
		Đang cân nhắc	-	30%
5	Mục đích học Ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	Nâng cao trình độ, đáp ứng công việc	-	100%

1.2.4. Giới thiệu về đơn vị phụ trách ngành

Khoa Công nghệ được lập theo Quyết định số 23/QĐ-ĐHCNĐN ngày 01/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường trên cơ sở tách từ Khoa Sức khỏe – Thực phẩm. Hiện nay, Khoa Công nghệ đang đào tạo 04 ngành ở bậc đại học.

Cơ cấu tổ chức của khoa Công nghệ bao gồm Ban Lãnh đạo khoa và 04 bộ môn: Bộ môn Công nghệ Thực phẩm, Bộ môn Công nghệ Hóa học, Bộ môn Công nghệ Sinh học, Bộ môn Môi trường và phát triển bền vững. Cùng với hoạt động đào tạo, Khoa Công nghệ thông tin cũng rất quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) phục vụ hoạt động đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Trong thời gian qua, các giảng viên trong Khoa đã tích cực tham dự nhiều hội thảo khoa học trong và ngoài nước, thực hiện nhiều đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp tỉnh và xuất bản nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

Giới thiệu về Khoa Công nghệ

Khoa Công nghệ được lập theo Quyết định số 23/QĐ-ĐHCNĐN ngày 01/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường trên cơ sở tách từ Khoa Sức khỏe – Thực phẩm. Hiện nay, Khoa Công nghệ đang đào tạo 04 ngành ở bậc đại học.

Tổng số cán bộ, giảng viên của Khoa là 43 người gồm 2 phó Giáo sư, 14 Tiến sĩ và 26 Thạc sĩ và 1 đại học. Tất các giảng viên đều tốt nghiệp từ các chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ được phân công, đáp ứng năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học và nhu cầu người học.

Cơ cấu tổ chức của khoa Công nghệ bao gồm Ban Lãnh đạo khoa và 04 bộ môn: Bộ môn Công nghệ Thực phẩm, Bộ môn Công nghệ Hóa học, Bộ môn Công nghệ Sinh học, Bộ môn Môi trường và phát triển bền vững. Cùng với hoạt động đào tạo, Khoa Công nghệ thông tin cũng rất quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) phục vụ hoạt động đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Trong thời gian qua, các giảng viên trong Khoa đã tích cực tham dự nhiều hội thảo khoa học trong và ngoài nước, thực hiện nhiều đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp tỉnh và xuất bản nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành công nghệ kỹ thuật hóa học gồm 71 người gồm: 3 phó Giáo sư, 9 Tiến sĩ và 57 Thạc sĩ và 2 đại học. Tất các giảng viên đều tốt nghiệp từ các chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ được phân công, đáp ứng năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học và nhu cầu người học.

2.1. Đội ngũ:

- Đội ngũ Giảng viên đáp ứng giảng dạy Chương trình đào tạo (71 giảng viên)

2.2 Cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị, công nghệ học liệu

2.2.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	94	8.334	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	710	Các học phần lý luận chính trị	Cả năm	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	01	260	Các học phần lý luận chính trị	Cả năm	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	37	2.930	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	49	3.111	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	93	Các học phần cần sử dụng máy tính, kết nối mạng và âm thanh	Cả năm	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	05	1.230		Cả năm	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	3.335		Cả năm	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	39	12.125	Các học phần thực hành	Cả năm	

2.2.2 Thư viện

- Diện tích thư viện: 3.123 m²; Diện tích phòng đọc: 417 m²
- Số chỗ ngồi: 900; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 19
- Phần mềm quản lý thư viện: 01
- Thư viện điện tử: 01
- Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu trong nước: 01 CSDL
- Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu quốc tế: 02 CSDL
- Số lượng sách, giáo trình điện tử: 10.337 đầu tài liệu

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Danh mục giáo trình sẵn có tại thư viện								
1.	Hóa hữu cơ	Phan Thanh Sơn Nam	NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2019, Việt Nam	3	Hóa hữu cơ	HH70001	4	
2.	Bài tập Hóa hữu cơ	Phan Thanh Sơn Nam	NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2019, Việt Nam	3	Hóa hữu cơ	HH70001	4	
3.	Giáo trình BT Hóa học hữu cơ	Trần Thị Việt Hoa	NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2010, Việt Nam	3	Hóa hữu cơ	HH70001	4	
4.	Giáo trình BT Hóa học hữu cơ	Ngô Thị Thuận	NXB KHKT, 2006, Việt Nam	3	Hóa hữu cơ	HH70001	4	
5.	Organic Chemistry	Graham Patrick	OUP Oxford, 2017, UK.	3	Hóa hữu cơ	HH70001	4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
6.	Optimization for Chemical and Biochemical Engineering: Theory, Algorithms, Modeling and Applications	Vassilios S. Vassiliadis	Cambridge University Press, 2021, UK	3	Công nghệ hóa sinh ứng dụng	HH70002	3	
7.	Giáo trình thực hành Hóa sinh thực phẩm	Trần Bích Lam	Đại học quốc gia TP.HCM, 2010, Việt Nam	3	Công nghệ hóa sinh ứng dụng	HH70002	3	
8.	Chemical, Biochemical, and Engineering Thermodynamics	Stanley I. Sandler	Wiley, 2017, US	3	Công nghệ hóa sinh ứng dụng	HH70002	3	
9.	Understanding Biochemical Pathways: A Pattern-Recognition Approach	Carol A Wilkins	Cognella Academic Publishing, 2021, US	3	Công nghệ hóa sinh ứng dụng	HH70002	3	
10.	Hóa đại cương	Nguyễn Đình Soa	Đại học quốc gia TP.HCM, 2017, Việt Nam	3	Hóa học đại cương	HH70003	1	
11.	Hóa học đại cương	Nguyễn Đức Chung	Đại học quốc gia TP.HCM, 2014, Việt Nam	3	Hóa học đại cương	HH70003	1	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
12.	General Chemistry	Darrell Ebbing	Cengage Learning, 2016, UK	3	Hóa học đại cương	HH70003	1	
13.	Hóa học đại cương: Giáo trình giảng dạy	Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Đại học công nghiệp TP.HCM, 2012, Việt Nam	3	Hóa học đại cương	HH70003	1	
14.	Thực hành hóa đại cương	Nguyễn Văn Đạt	Đại học Cần Thơ, 2019, Việt Nam	3	Thực hành hóa đại cương	HH70004	2	
15.	Hóa đại cương	Nguyễn Đình Soa	Đại học quốc gia TP.HCM, 2017, Việt Nam	3	Thực hành hóa đại cương	HH70004	2	
16.	Laboralory manual for general chemistry	Hà Thanh Toàn	Can Tho University publishing house, 2019, Việt Nam	3	Thực hành hóa đại cương	HH70004	2	
17.	Green Chemistry: An Introductory Text	Mike Lancaster	RSC, 2016, UK	3	Hóa học xanh	HH70005	5	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
18.	Green chemistry: Environment friendly alternatives.	Edited by Rashmi Sanghi and M. M. Srivastava	Narosa Publishing House, 2006, India	3	Hóa học xanh	HH70005	5	
19.	Case studies from the pharmaceutical industry	Stefan G. Koenig	Pan Stanford, 2013, UK	3	Hóa học xanh	HH70005	5	
20.	Nhiệt động Hóa học	GS. TS. Đào Văn Lượng	NXB Khoa học và kỹ thuật, 2012, Việt Nam	3	Hóa lý	HH70006	4	
21.	Hóa lý 1	Lê Thị Thanh Hương	NXB ĐH Công nghiệp TP. HCM, 2018, VN	3	Hóa lý	HH70006	4	
22.	Giáo trình Hóa lý tập I, tập II	Nguyễn Đình Huệ	NXB Giáo dục, 2000, Việt Nam	3	Hóa lý	HH70006	4	
23.	Bài giảng Thí nghiệm Hóa hữu cơ	TS. Lê Xuân Tiến, TS. Lê Vũ Hà, PGS. TS. Lê Thị Hồng Nhan	Đại học Bách Khoa TP.HCM, 2020, Việt Nam	3	Thực hành hóa hữu cơ	HH70007	4	
24.	Kỹ thuật thực hành tổng hợp hữu cơ	Trần Thị Việt Hoa, Phạm Thành Quân, Trần Văn Thạnh	Đại học Bách Khoa TP.HCM, 2015, Việt Nam	3	Thực hành hóa hữu cơ	HH70007	4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
25.	Giáo trình Thực hành Hóa lý	ThS. Lê Thị Thanh Hương	NXB ĐH Công nghiệp TP. HCM, 2006, Việt Nam	3	Thực hành hóa lý	HH70008	4	
26.	Thực tập Hoá lý	Nguyễn Thị Phương Thoa	NXB ĐH Quốc gia TP.HCM, 2002, Việt Nam	3	Thực hành hóa lý	HH70008	4	
27.	Phân tích định lượng	Nguyễn Thị Thu Vân	Đại học quốc gia TP.HCM, 2017, Việt Nam	3	Hóa phân tích	HH70009	2	
28.	Bài tập và Sổ tay phân tích định lượng	Nguyễn Thị Thu Vân	Đại học quốc gia TP.HCM, 2016, Việt Nam	3	Hóa phân tích	HH70009	2	
29.	Thí nghiệm phân tích định lượng	Nguyễn Thị Thu Vân	Đại học quốc gia TP.HCM, 2017, Việt Nam	3	Hóa phân tích	HH70009	2	
30.	Analytical chemistry: A Fundamental Approach To Modern Separation Techniques	Stanley Chris	Independently published, 2022, US.	3	Hóa phân tích	HH70009	2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
31.	Thí nghiệm phân tích định lượng	Nguyễn Thị Thu Vân	Đại học quốc gia TP.HCM, 2017, Việt Nam	3	Thực hành Hóa phân tích	HH70010	2	
32.	Phân tích định lượng	Nguyễn Thị Thu Vân	Đại học quốc gia TP.HCM, 2017, Việt Nam	3	Thực hành Hóa phân tích	HH70010	2	
Danh mục tài liệu theo đề cương								
33.	Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học và thực phẩm, T.2- Cơ học vật liệu rời	Vũ Bá Minh, Hoàng Minh Nam	Đại học Quốc gia TP.HCM, 2011, Việt Nam	3	Quá trình và thiết bị cơ học	HH70013	3	
34.	Sổ tay quá trình và thiết bị công nghệ hoá chất; Tập 1, 2	Trần Xoa, Nguyễn Trọng Khuông, Phạm Xuân Toàn	Khoa học và kỹ thuật, 2004, Việt Nam	3	Quá trình và thiết bị cơ học	HH70013	3	
35.	Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm- Tập 1- Các quá trình thủy lực, bơm, quạt, máy nén	Nguyễn Bin	Khoa học và kỹ thuật, 2011, Việt Nam	3	Quá trình và thiết bị cơ học	HH70013	3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
36.	Mechanical Design of Machine Elements by Graphical Methods	Majid Yaghoubi, Hamed Tavakoli	Springer International Publishing, 2022	3	Quá trình và thiết bị cơ học	HH70013	3	
37.	Process Heat Transfer	G.F. Hewitt, G.L. Shires	Begell House, 2021	3	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	HH70014	5	
38.	Cơ sở truyền nhiệt và thiết kế thiết bị trao đổi nhiệt	Hoàng Đình Tín	Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2022, Việt Nam	3	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	HH70014	5	
39.	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt quyển 1, 2	Phạm Văn Bôn	Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2017, Việt Nam	3	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	HH70014	5	
40.	Quá trình, thiết bị trong công nghệ hoá học và thực phẩm - Bài tập truyền nhiệt	Phạm văn Bôn	Đại học Quốc Gia Tp.HCM, 2017, Việt Nam	3	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	HH70014	5	
41.	Bài tập Kỹ thuật nhiệt	Bùi Hải	Khoa học và kỹ thuật, 2009, Việt Nam	3	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	HH70014	5	
42.	Quá trình và Thiết bị Công nghệ Hóa học – Thực phẩm, tập 3: Truyền khối	Vũ Bá Minh, Võ Văn Bang	Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2018, Việt Nam	3	Quá trình và thiết bị truyền chất	HH70015	5	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
43.	Các quá trình, thiết bị trong công nghệ hóa chất và thực phẩm	Nguyễn Bin	Khoa Học Kỹ Thuật, 2008, Việt Nam	3	Quá trình và thiết bị truyền chất	HH70015	5	
44.	Thiết bị truyền nhiệt và chuyển khối, tập 2.	Nguyễn Văn May	Khoa Học Kỹ Thuật, 2006, Việt Nam	3	Quá trình và thiết bị truyền chất	HH70015	5	
45.	Mass Transfer Processes: Modeling, Computations, and Design	P. A. Ramachandran	Pearson, 2018	3	Quá trình và thiết bị truyền chất	HH70015	5	
46.	Kỹ thuật phản ứng.	Vũ Bá Minh	ĐH Bách Khoa, ĐHQG TP. HCM, 2019, VN	3	Kỹ thuật phản ứng	HH70016	6	
47.	Hóa lý	Mai Hữu Khiêm	ĐH Bách Khoa, ĐHQG TP. HCM, 2021, Việt Nam	3	Kỹ thuật phản ứng	HH70016	6	
48.	Elements of Chemical Reaction Engineering	H. Fogler	Pearson Education, 2020, Việt Nam	3	Kỹ thuật phản ứng	HH70016	6	
49.	Giáo trình Hóa học thực phẩm	Ngô Xuân Mạnh, Lại Thị Ngọc Hà	Học viện Nông nghiệp, 2020, Việt Nam	3	Hóa học thực phẩm	HH70017	2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
50.	Hóa học thực phẩm	Hoàng Kim Anh	2015	3	Hóa học thực phẩm	HH70017	2	
51.	Fennema's Food Chemistry	Srinivasan Damodaran	CRC Press, 2017, Việt Nam	3	Hóa học thực phẩm	HH70017	2	
52.	The Chemistry of Food	Carla Mooney	Inquire & Investigate, 2021	3	Hóa học thực phẩm	HH70017	2	
53.	Hương liệu mỹ phẩm	Vương Ngọc Chính	ĐH QG TP HCM, 2013, Việt Nam	3	Công nghệ hóa hương liệu	HH70018	5	
54.	Hương liệu và ứng dụng	Văn Ngọc Hương	KH & KT, 2010, Việt Nam	3	Công nghệ hóa hương liệu	HH70018	5	
55.	Perfumes and Flavours Technology Handbook with Manufacturing Formulations, Process, Machinery Equipment Details & Factory Layout	Dr. Himadri Panda	Asia pacific business press Inc, 2022	3	Công nghệ hóa hương liệu	HH70018	5	
56.	Hướng dẫn thí nghiệm công nghệ hương liệu mỹ phẩm	Nguyễn Hữu Anh Tuấn	Trường Đại học Nông Lâm Tp HCM, 2023, Việt Nam	3	Công nghệ hóa hương liệu	HH70018	5	
57.	Giáo trình Công nghệ lên men	Bùi Huy Chích (Chủ biên)	Nông Nghiệp, 2019, Việt Nam	3	Công nghệ lên men	HH70019	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
58.	Principles of Fermentation Technology, 2nd ed	Stanbury, P.F., Whitaker, A., Hall, S.J	Butterworth Heinemann, 2017, Việt Nam	3	Công nghệ lên men	HH70019	6	
59.	Fermentation Technology	Ray Medina	Edtech, 2019, Việt Nam	3	Công nghệ lên men	HH70019	6	
60.	Microbial Fermentation and Enzyme Technology	Hrudaya Nath Thatoi, Keshab C. Mondal, Pradeep K. Das Mohapatra, Sonali Mohapatra	CRC Press, 2020, Việt Nam	3	Công nghệ lên men	HH70019	6	
61.	Công nghệ vi sinh vật. tập 3: thực phẩm lên men truyền thống	Nguyễn Đức Lượng	Đại học quốc gia TP.HCM, 2009, Việt Nam	3	Công nghệ lên men	HH70019	6	
62.	Nutraceuticals and Natural Product Pharmaceuticals	Charis M. Galanakis	Elsevier Science, 2019, Việt Nam	3	Thực phẩm chức năng dược	HH70020	6	
63.	Developing New Functional Food and Nutraceutical Products	Debasis Bagchi Sreejayan Nair	Elsevier Inc, 2017, Việt Nam	3	Thực phẩm chức năng dược	HH70020	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
64.	Regulation of Functional Foods and Nutraceuticals	Clare M. Hasler	Blackwell, 2005, Việt Nam	3	Thực phẩm chức năng dược	HH70020	6	
65.	Handbook of Nutraceuticals Ingredients, Formulations, and Applications	Yashwant Pathak	Taylor & Francis Group, 2009, Việt Nam	3	Thực phẩm chức năng dược	HH70020	6	
66.	Thí nghiệm phân tích thực phẩm	Trần Bích Lam	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2013, Việt Nam	3	Ứng dụng 5S và Kaizen trong sản xuất	TP71017	7	
67.	Kaizen 5S Lean: A Comprehensive Guide to Improving Workplace Performance Hardcover	Onuoha S.C., Agburum G. C., Bibiane Aimée Wandji, Tarig H. A. Bilal	Independently published, 2022	3	Ứng dụng 5S và Kaizen trong sản xuất	TP71017	7	
68.	5s Kaizen in 90 Minutes (Ninety Minutes)	Andrew Scotchmer	Management Books 2000, 2007	3	Ứng dụng 5S và Kaizen trong sản xuất	TP71017	7	
69.	KAIZEN: 5S & PDCA	Fulbodh Chaudhary	Management Books 2000, 2017	3	Ứng dụng 5S và Kaizen trong sản xuất	TP71017	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
70.	Kaizen: The Philosophy of Continuous Improvement for Business and Education	Julian Cambridge	On Kindle Scribe, 2023	3	Ứng dụng 5S và Kaizen trong sản xuất	TP71017	7	
71.	Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học & thực phẩm: Các quá trình & thiết bị cơ học. Tập 1; Quyển 1 - Khuấy - Lắng lọc	Nguyễn Văn Lụa	ĐH Quốc Gia TPHCM, 2015	3	Thực hành quá trình và thiết bị	HH70021	7	
72.	Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học & thực phẩm. T.2 - Cơ học vật liệu rời	Vũ Bá Minh	ĐH Quốc Gia TPHCM, 2015, Việt Nam	3	Thực hành quá trình và thiết bị	HH70021	7	
73.	Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học & thực phẩm Tập 3: truyền khối	Vũ Bá Minh Võ Văn Bang	ĐH Quốc Gia TPHCM, 2016, Việt Nam	3	Thực hành quá trình và thiết bị	HH70021	7	
74.	Giáo trình “ Quá trình và Thiết bị công nghệ hóa học”- Tập 4: Kỹ thuật phản ứng	Vũ Bá Minh	ĐH Quốc Gia TPHCM, 2017, Việt Nam	3	Thực hành quá trình và thiết bị	HH70021	7	
75.	Kỹ thuật tách và tinh chế trong hoá học	Phan Đình Châu, Vũ Bình Dương	Khoa Học Kỹ Thuật, 2018, Việt Nam	3	Phương pháp phân lập và tinh chế	HH70022	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
76.	Phương pháp cô lập hợp chất hữu cơ	Nguyễn Kim Phi Phụng	Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2007, Việt Nam	3	Phương pháp phân lập và tinh chế	HH70022	6	
77.	Giáo trình Hóa hữu cơ	Phan Thanh Sơn Nam	Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2011, Việt Nam	3	Phương pháp phân lập và tinh chế	HH70022	6	
78.	Analysis and Purification Methods in Combinatorial Chemistry	Bing Yan	Wiley-Interscience, 2003	3	Phương pháp phân lập và tinh chế	HH70022	6	
79.	Giáo trình kỹ thuật xúc tác	Nguyễn Thế Hữu	Giáo dục Việt Nam, 2022, Việt Nam	3	Kỹ thuật xúc tác	HH70023	7	
80.	Giáo trình Kỹ thuật xúc tác	TS. Hồ Quốc Phong ThS. Huỳnh Thu Hạnh	Đại học Cần Thơ, 2020, Việt Nam	3	Kỹ thuật xúc tác	HH70023	7	
81.	Catalyst Immobilization Methods and Applications	Alessandra Puglisi, Maurizio Benaglia	Wiley, 2020, Việt Nam	3	Kỹ thuật xúc tác	HH70023	7	
82.	Các phương pháp phân tích hóa học	Phạm Luận	Bách khoa Hà Nội, 2018, Việt Nam	3	Phương pháp phân tích hiện đại	HH70024	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
83.	Các phương pháp phân tích công cụ trong hóa học hiện đại	Hồ Viết Quý	Đại học Sư phạm, 2005, Việt Nam	3	Phương pháp phân tích hiện đại	HH70024	6	
84.	Giáo trình Hóa hữu cơ	Phan Thanh Sơn Nam	Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2011, Việt Nam	3	Phương pháp phân tích hiện đại	HH70024	6	
85.	Modern Polarographic Methods in Analytical Chemistry	A. M. Bond	CRC Press, 2020	3	Phương pháp phân tích hiện đại	HH70024	6	
86.	Cơ sở thiết kế nhà máy	Trần Thế Truyền	Đại học Đà Nẵng, 2018	3	Thiết kế nhà máy hóa chất	HH71002	6	
87.	Thiết kế nhà máy	Hoàng Minh Nam	ĐH QG TPHCM, 2017	3	Thiết kế nhà máy hóa chất	HH71002	6	
88.	Sổ tay Quá trình và thiết bị Công nghệ hóa chất	Nguyễn Trọng Khuông, Trần Xoa, Hồ Lê Viên	Khoa học kỹ thuật, 2013	3	Máy thiết bị và công nghệ hóa chất	HH71003	6	
89.	Quá trình, thiết bị trong công nghệ hoá học và thực phẩm - Bài tập truyền nhiệt	Phạm Văn Bôn	Đại học Quốc Gia Tp.HCM, 2017, Việt Nam	3	Máy thiết bị và công nghệ hóa chất	HH71003	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
90.	Thiết bị truyền nhiệt và chuyển khối, tập 2.	Nguyễn Văn May	Khoa Học Kỹ Thuật, 2006, Việt Nam	3	Máy thiết bị và công nghiệp hóa chất	HH71003	6	
91.	Mass Transfer Processes: Modeling, Computations, and Design	P. A. Ramachandran	Pearson, 2018, Việt Nam	3	Máy thiết bị và công nghiệp hóa chất	HH71003	6	
92.	Kỹ thuật lạnh (Cơ sở và ứng dụng)	Nguyễn Đức Lợi	Xây dựng, 2021, Việt Nam	3	Kỹ thuật lạnh và ứng dụng	HH71004	6	
93.	Bài tập tính toán kỹ thuật lạnh (cơ sở và ứng dụng)	Nguyễn Đức Lợi	Xây dựng, 2021, Việt Nam	3	Kỹ thuật lạnh và ứng dụng	HH71004	6	
94.	Lắp đặt, vận hành và sửa chữa hệ thống lạnh	Bùi Ngọc Hùng	Đại học quốc gia TP.HCM, 2018, Việt Nam	3	Kỹ thuật lạnh và ứng dụng	HH71004	6	
95.	Engineered Industrial Refrigeration System Application	Mr. Thomas T. Wan	Independently published, 2023	3	Kỹ thuật lạnh và ứng dụng	HH71004	6	
96.	Giáo Trình công nghệ màng quyển 2: Các quá trình và thiết bị màng	Nguyễn Hữu Hiếu, Mai Thanh Phong	Đại học Quốc Gia Tp.HCM, 2023, Việt Nam	3	Công nghệ màng lọc ứng dụng	HH71005	6	
97.	Kỹ Thuật Màng Lọc Trong Xử Lý Nước Cấp Và Nước Thải	Trần Đức Hạ	Xây dựng, 2016, Việt Nam	3	Công nghệ màng lọc ứng dụng	HH71005	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
98.	Công nghệ màng	Nguyễn Hữu Hiếu	Đại học Quốc Gia Tp.HCM, 2021, Việt Nam	3	Công nghệ màng lọc ứng dụng	HH71005	6	
99.	Membrane-Based Salinity Gradient Processes for Water Treatment and Power Generation	Sarper Sarp and Nidal Hilal	Elsevier, 2018, Việt Nam	3	Công nghệ màng lọc ứng dụng	HH71005	6	
100.	Tối ưu hóa	Nguyễn Đức Nghĩa	Giáo dục, 2002, Việt Nam	3	Thiết kế mô hình tối ưu hóa	HH71006	6	
101.	Bài giảng lý thuyết và phương pháp nghiên cứu thực nghiệm trong Công nghệ hoá học	Trần Văn Ngũ	Trường Đại học Bách Khoa TpHCM, 2018, Việt Nam	3	Thiết kế mô hình tối ưu hóa	HH71006	6	
102.	Food Packaging	Rui M. S. da Cruz	CRC Press, 2021, Việt Nam	3	Bao bì đóng gói	HH71007	6	
103.	Giáo trình Phụ gia thực phẩm	Nguyễn Phú Đức, Lê Thị Hồng Ánh	Đại học Quốc Gia Tp.HCM, 2017, Việt Nam	3	Bao bì đóng gói	HH71007	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
104.	Plastics Packaging, 4e: Properties, Processing, Applications, and Regulations	Susan E.M. Selke	Hanser Publications, 2021	3	Bao bì đóng gói	HH71007	6	
105.	The Complete Guide to Pressure Canning: Everything You Need to Know to Can Meats, Vegetables, Meals in a Jar, and More	Diane Devereaux - The Canning Diva	Rockridge Press, 2021	3	Công nghệ dược	HH71008	7	
106.	Công nghệ dược phẩm	Nguyễn Thanh Hải	Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2019, Việt Nam	3	Công nghệ dược	HH71008	7	
107.	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	Từ Minh Koóng	Y học, 2015, Việt Nam	3	Công nghệ dược	HH71008	7	
108.	Một số quá trình và thiết bị trong Công nghệ dược phẩm	Nguyễn Đình Luyện	Y học, 2013, Việt Nam	3	Công nghệ dược	HH71008	7	
109.	Pharmaceutical Extrusion Technology (Drugs and the Pharmaceutical Sciences)	Isaac Ghebre-Sellassie, Charles E. Martin, Feng Zhang.	CRC Press, 2020, Việt Nam	3	Công nghệ dược	HH71008	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
110.	Kỹ thuật bào chế - sinh dược học các dạng thuốc	Nguyễn Đăng Hòa Hoàng Đức Trước	Y học, 2016, Việt Nam	3	Công nghệ dược	HH71008	7	
111.	Công nghệ sinh học dược : dùng cho đào tạo dược sĩ đại học ; mã số : Đ.20.Z.09	Nguyễn Văn Thanh	Giáo dục, 2009, Việt Nam	3	Công nghệ dược	HH71008	7	
112.	Edible Oils Extraction, Processing, and Applications	Smain Chemat	CRC Press, 2017, Việt Nam ³	3	Chế biến dầu và chất béo	HH71009	7	
113.	Practical Guide to Vegetable Oil Processing	Monoj Gupta	Elsevier Science, 2017	3	Chế biến dầu và chất béo	HH71009	7	
114.	Edible Oil Processing	Wolf Hamm, Richard J. Hamilton and Gijs Calliauw	John Wiley & Sons, 2013	3	Chế biến dầu và chất béo	HH71009	7	
115.	Bioactive Phytochemicals from Vegetable Oil and Oilseed Processing By-products	Mohamed Fawzy Ramadan Hassanien	Springer International Publishing, 2023	3	Chế biến dầu và chất béo	HH71009	7	
116.	Giáo trình hóa học các hợp chất thiên nhiên	Trần Thu Hương, Phan Minh Giang	Bách Khoa Hà Nội, 2017, Việt Nam	3	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	HH71010	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
117.	Giáo trình Hóa học hợp chất thiên nhiên	Tôn Nữ Liên Hương	Đại học Cần Thơ, 2017, Việt Nam	3	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	HH71010	7	
118.	Giáo trình Hợp chất thiên nhiên ứng dụng trong hóa mỹ phẩm	Mai Hùng Thanh Tùng	Đại học Quốc gia TP.HCM, 2023, Việt Nam	3	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	HH71010	7	
119.	Organic Chemistry Unraveled: A Comprehensive Guide to Compounds, Reactions, and Synthesis	Vikash Dabriwal	Kindle Edition, 2023	3	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	HH71010	7	
120.	Giáo trình hóa dược	Phạm Hữu Điền	Đại học Sư Phạm, Hà Nội, 2008, Việt Nam	3	Hóa dược	HH71011	7	
121.	Nghiên cứu phát triển thuốc mới	Nguyễn Hải Nam	Hà Nội, 2015, Việt Nam	3	Hóa dược	HH71011	7	
122.	Hóa dược	Trần Đức Hậu	Hà Nội, 2015, Việt Nam	3	Hóa dược	HH71011	7	
123.	Medicinal Chemistry	Peter J. Sadler, Rudi van Eldik	Elsevier Science, 2020, US	3	Hóa dược	HH71011	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
124.	Giáo trình Công nghệ chất hoạt động bề mặt	Nguyễn Minh Việt	Giao thông vận tải, 2020, Việt Nam	3	Hoạt chất bề mặt	HH71012	7	
125.	Hóa học các hợp chất hoạt động bề mặt	Nguyễn Đình Triệu	Đại học Quốc Gia Hà nội, 2019, Việt Nam	3	Hoạt chất bề mặt	HH71012	7	
126.	Hóa học và kỹ thuật chất hoạt động bề mặt	Lê Thị Hồng Nhan	Đại học Quốc Gia TP.HCM, 2019, Việt Nam	3	Hoạt chất bề mặt	HH71012	7	
127.	Surfactants in Precision Cleaning: Removal of Contaminants at the Micro and Nanoscale.	Rajiv Kohli, Kashmiri L. Mittal	Elsevier, 2021, Việt Nam, US	3	Hoạt chất bề mặt	HH71012	7	
128.	Giáo trình hóa học các hợp chất thiên nhiên	Trần Thu Hương Phan Minh Giang	Bách Khoa Hà Nội, 2017, Việt Nam	3	Dược chất thiên nhiên	HH71013	7	
129.	Hợp chất thiên nhiên dùng làm thuốc	Nguyễn Văn Đàn	Y học, 1999, Việt Nam	3	Dược chất thiên nhiên	HH71013	7	
130.	Hóa học các hợp chất thiên nhiên tập 1	Phan Tổng Sơn Phan Minh Giang	Khoa Học & Kỹ Thuật, 2016, Việt Nam	3	Dược chất thiên nhiên	HH71013	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
131.	39 Most Potent Medicinal Plants & Herbs for over 100 Ailments	Rajiv Kohli, Kashmiri L. Mittal	Galicia Publishing House, 2023	3	Dược chất thiên nhiên	HH71013	7	
132.	Độc tố học và an toàn thực phẩm	Lê Ngọc Tú	Khoa học kỹ thuật Hà Nội, 2006, Việt Nam	3	Độc tố thực phẩm	TP71024	7	
133.	Food Toxicology	Debasis Bagchi	CRC Press, 2016, Việt Nam	3	Độc tố thực phẩm	TP71024	7	
134.	Toxic Superfoods: How Oxalate Overload Is Making You Sick--and How to Get Better	Sally K. Norton MPH	Paperback, 2023	3	Độc tố thực phẩm	TP71024	7	
135.	The Low-Oxalate Anti-Inflammatory Cookbook: 75 Gluten-Free, Nut-Free, Soy-Free, Yeast-Free, Low-Sugar Recipes to Help You Stress Less and Feel Better	Cindy Bokma	Skyhorse, 2018	3	Độc tố thực phẩm	TP71024	7	
136.	Giáo trình Vệ sinh An toàn thực phẩm	Lê Thị Hồng Ánh Cao Xuân Thủy	Đại Học Quốc Gia TPHCM, 2015, Việt Nam	3	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	TP70008	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
137.	Giáo trình Thực hành an toàn <i>Vệ sinh thực phẩm</i>	Đại học Công Nghiệp TP HCM	Đại học Công Nghiệp TP HCM, 2005, Việt Nam	3	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	TP70008	7	
138.	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	Nguyễn Đức Lượng, Phạm Minh Tâm	Đại Học Quốc Gia TP HCM, 2005, Việt Nam	3	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	TP70008	7	
139.	Phân tích hóa học thực phẩm	Hà Duyên Tư	Khoa học và Kỹ thuật, 2017, Việt Nam	3	Phân tích thực phẩm	TP70010	7	
140.	Thí nghiệm phân tích thực phẩm	Trần Bích Lam	Đại Học Quốc Gia TP HCM, 2006, Việt Nam	3	Phân tích thực phẩm	TP70010	7	
141.	Giáo trình Phân tích hóa lý thực phẩm	Lê Thị Hồng Ánh, Nguyễn Thị Hải Hòa, Phạm Thị Cẩm Hoa, Vũ Hoàng Yến	Đại Học Quốc Gia Tp.HCM, 2017, Việt Nam	3	Phân tích thực phẩm	TP70010	7	
142.	Giáo trình Phụ gia thực phẩm	Nguyễn Phú Đức	Đại học Quốc Gia, 2017, Việt Nam	3	Phụ gia thực phẩm	TP70009	7	
143.	Giáo trình thực hành Phụ gia thực phẩm	Đàm Sao Mai	Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM, 2009, Việt Nam	3	Phụ gia thực phẩm	TP70009	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
144.	Quản trị chất lượng thực phẩm	Đông Thị Anh Đào	Đại học Quốc Gia TP.HCM, 2016, Việt Nam	3	Quản lý chất lượng nhà máy hóa thực phẩm	HH71014	6	
145.	Quản lý chất lượng trong công nghiệp thực phẩm	Hà Duyên Tư	Khoa học và Kỹ thuật, 2006, Việt Nam	3	Quản lý chất lượng nhà máy hóa thực phẩm	HH71014	6	
146.	Quản lý chất lượng thực phẩm	Nguyễn Tiến Lực	Đại học Quốc Gia TP.HCM, 2016, Việt Nam	3	Quản lý chất lượng nhà máy hóa thực phẩm	HH71014	6	
147.	Food Quality Management.	Emmett Norton	Larsen and Keller Education, 2022	3	Quản lý chất lượng nhà máy hóa thực phẩm	HH71014	6	
148.	Giáo trình Hợp chất thiên nhiên ứng dụng trong hóa mỹ phẩm	Mai Hùng Thanh Tùng	Đại học Quốc gia TP.HCM, 2023, Việt Nam	3	Mỹ phẩm thiên nhiên	HH71015	7	
149.	Hương liệu và mỹ phẩm	Vương Ngọc Chính	Đại học Quốc gia TP.HCM, 2013, Việt Nam	3	Mỹ phẩm thiên nhiên	HH71015	7	
150.	Kiểm Nghiệm Dược Phẩm	Trần Tử An	Y học, 2021, Việt Nam	3	Kiểm nghiệm dược và thực phẩm	HH71016	7	
151.	Kiểm Nghiệm Thực Phẩm	Thái Nguyễn Hùng Thu	Y học, 2023, Việt Nam	3	Kiểm nghiệm dược và thực phẩm	HH71016	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
152.	Hóa hữu cơ	Phan Thanh Sơn Nam	NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2019, Việt Nam	3	Hóa hữu cơ	HH70001	4	
153.	Bài tập Hóa hữu cơ	Phan Thanh Sơn Nam	NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2019, Việt Nam	3	Hóa hữu cơ	HH70001	4	
154.	Giáo trình BT Hóa học hữu cơ	Trần Thị Việt Hoa	NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2010, Việt Nam	3	Hóa hữu cơ	HH70001	4	
155.	Giáo trình BT Hóa học hữu cơ	Ngô Thị Thuận	NXB KHKT, 2006, Việt Nam	3	Hóa hữu cơ	HH70001	4	
156.	Organic Chemistry	Graham Patrick	OUP Oxford, 2017, UK.	3	Hóa hữu cơ	HH70001	4	
157.	Optimization for Chemical and Biochemical Engineering: Theory, Algorithms, Modeling and Applications	Vassilios S. Vassiliadis	Cambridge University Press, 2021, UK	3	Công nghệ hóa sinh ứng dụng	HH70002	3	
158.	Giáo trình thực hành Hóa sinh thực phẩm	Trần Bích Lam	Đại học quốc gia TP.HCM, 2010, Việt Nam	3	Công nghệ hóa sinh ứng dụng	HH70002	3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
159.	Chemical, Biochemical, and Engineering Thermodynamics	Stanley I. Sandler	Wiley, 2017, US	3	Công nghệ hóa sinh ứng dụng	HH70002	3	
160.	Understanding Biochemical Pathways: A Pattern-Recognition Approach	Carol A Wilkins	Cognella Academic Publishing, 2021, US	3	Công nghệ hóa sinh ứng dụng	HH70002	3	
161.	Hóa đại cương	Nguyễn Đình Soa	Đại học quốc gia TP.HCM, 2017, Việt Nam	3	Hóa học đại cương	HH70003	1	
162.	Hóa học đại cương	Nguyễn Đức Chung	Đại học quốc gia TP.HCM, 2014, Việt Nam	3	Hóa học đại cương	HH70003	1	
163.	General Chemistry	Darrell Ebbing	Cengage Learning, 2016, UK	3	Hóa học đại cương	HH70003	1	
164.	Hóa học đại cương: Giáo trình giảng dạy	Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Đại học công nghiệp TP.HCM, 2012, Việt Nam	3	Hóa học đại cương	HH70003	1	
165.	Thực hành hóa đại cương	Nguyễn Văn Đạt	Đại học Cần Thơ, 2019, Việt Nam	3	Thực hành hóa đại cương	HH70004	2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
166.	Hóa đại cương	Nguyễn Đình Soa	Đại học quốc gia TP.HCM, 2017, Việt Nam	3	Thực hành hóa đại cương	HH70004	2	
167.	Laboratory manual for general chemistry	Hà Thanh Toàn	Can Tho University publishing house, 2019, Việt Nam	3	Thực hành hóa đại cương	HH70004	2	
168.	Green Chemistry: An Introductory Text	Mike Lancaster	RSC, 2016, UK	3	Hóa học xanh	HH70005	5	
169.	Green chemistry: Environment friendly alternatives.	Edited by Rashmi Sanghi and M. M. Srivastava	Narosa Publishing House, 2006, India	3	Hóa học xanh	HH70005	5	
170.	Case studies from the pharmaceutical industry	Stefan G. Koenig	Pan Stanford, 2013, UK	3	Hóa học xanh	HH70005	5	
171.	Nhiệt động Hóa học	GS. TS. Đào Văn Lượng	NXB Khoa học và kỹ thuật, 2012, Việt Nam	3	Hóa lý	HH70006	4	
172.	Hóa lý 1	Lê Thị Thanh Hương	NXB ĐH Công nghiệp TP.	3	Hóa lý	HH70006	4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			HCM, 2008, Việt Nam					
173.	Giáo trình Hóa lý tập I, tập II	Nguyễn Đình Huệ	NXB Giáo dục, 2000, Việt Nam	3	Hóa lý	HH70006	4	
174.	Bài giảng Thí nghiệm Hóa hữu cơ	TS. Lê Xuân Tiến, TS. Lê Vũ Hà, PGS. TS. Lê Thị Hồng Nhan	Đại học Bách Khoa TP.HCM, 2020, Việt Nam	3	Thực hành hóa hữu cơ	HH70007	4	
175.	Kỹ thuật thực hành tổng hợp hữu cơ	Trần Thị Việt Hoa, Phạm Thành Quân, Trần Văn Thạnh	Đại học Bách Khoa TP.HCM, 2015, Việt Nam	3	Thực hành hóa hữu cơ	HH70007	4	
176.	Giáo trình Thực hành Hóa lý	Lê Thị Thanh Hương	NXB ĐH Công nghiệp TP. HCM, 2016, Việt Nam	3	Thực hành hóa lý	HH70008	4	
177.	Thực tập Hoá lý	Nguyễn Thị Phương Thoa	NXB ĐH Quốc gia TP.HCM, 2002, Việt Nam	3	Thực hành hóa lý	HH70008	4	
178.	Phân tích định lượng	Nguyễn Thị Thu Vân	Đại học quốc gia TP.HCM, 2017, Việt Nam	3	Hóa phân tích	HH70009	2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
179.	Bài tập và Sổ tay phân tích định lượng	Nguyễn Thị Thu Vân	Đại học quốc gia TP.HCM, 2016, Việt Nam	3	Hóa phân tích	HH70009	2	
180.	Thí nghiệm phân tích định lượng	Nguyễn Thị Thu Vân	Đại học quốc gia TP.HCM, 2017, Việt Nam	3	Hóa phân tích	HH70009	2	
181.	Analytical chemistry: A Fundamental Approach To Modern Separation Techniques	Stanley Chris	Independently published, 2022, US.	3	Hóa phân tích	HH70009	2	
182.	Thí nghiệm phân tích định lượng	Nguyễn Thị Thu Vân	Đại học quốc gia TP.HCM, 2017, Việt Nam	3	Thực hành Hóa phân tích	HH70010	2	
183.	Phân tích định lượng	Nguyễn Thị Thu Vân	Đại học quốc gia TP.HCM, 2017, Việt Nam	3	Thực hành Hóa phân tích	HH70010	2	
184.	Hóa phân tích -Tập 2 Phân tích dụng cụ (Sách đào tạo dược sĩ đại học)	PGS.TS Trần Tử An	Y học, 2016, Việt Nam	3	Thực hành Hóa phân tích	HH70010	2	
185.	Analytical Chemistry: Principles and Practice	Victor Angelo Soffiantini	De Gruyter, 2021,	3	Thực hành Hóa phân tích	HH70010	2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
186.	Nhập môn kỹ thuật hóa học	Nguyễn Hữu Hiếu	Trường ĐH Bách khoa, 2020, Việt Nam	3	Nhập môn ngành CNHH	HH70011	1	
187.	Chương trình đào tạo ngành CNKTHH 2023 - 2024	Bộ môn Công nghệ Hóa học	Đại Học Công Nghệ Đồng Nai, 2023, Việt Nam	3	Nhập môn ngành CNHH	HH70011	1	
188.	Introduction to Chemical Engineering	Kenneth A. Solen R. John N. Harb	Brigham Young University, 2023, US	3	Nhập môn ngành CNHH	HH70011	1	
189.	Giáo trình xử lý số liệu thực nghiệm	Đặng Kim Tại	Đại Học Cần Thơ, 2021, Việt Nam	3	Xử lý số liệu và quy hoạch thực nghiệm	HH70012	5	
190.	Ứng dụng tin học trong công nghệ hoá học - sinh học - thực phẩm	Trịnh Văn Dũng	Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2015, Việt Nam	3	Xử lý số liệu và quy hoạch thực nghiệm	HH70012	5	
191.	Quy hoạch thực nghiệm	Nguyễn Cảnh	Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2016, Việt Nam	3	Xử lý số liệu và quy hoạch thực nghiệm	HH70012	5	
192.	Design and Analysis of Experiments	Douglas C. Montgomery	Wiley, 2022, UK	3	Xử lý số liệu và quy hoạch thực nghiệm	HH70012	5	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
193.	Smart Green – How to Implement Sustainable Business Practices in Any Industry – And Make Money	Johnathan Estes	John Wiley and Sons Inc., 2009	3	Sản xuất và tiêu dùng bền vững	MT70102	2	
194.	Fundamentals of Sustainable Business – A Guide for the Next 100 Years	Matthew Tueth	World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd, 2010	3	Sản xuất và tiêu dùng bền vững	MT70102	2	
195.	Measuring Sustainable Production	Organization for Economic Cooperation and Development (OECD)	France, 2008	3	Sản xuất và tiêu dùng bền vững	MT70102	2	
196.	Kinh tế tuần hoàn 4.0	Nguyễn Đức Dũng	NXB Thế giới, 2020, Việt Nam	3	Sản xuất và tiêu dùng bền vững	MT70102	2	
197.	Kinh tế tuần hoàn và những vấn đề tiên phong	Tập thể tác giả	NXB Công Thương, 2023, Việt Nam	3	Sản xuất và tiêu dùng bền vững	MT70102	2	
198.	Kinh tế xanh cho phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu		NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2018, Việt Nam	3	Sản xuất và tiêu dùng bền vững	MT70102	2	
199.	Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững	Lê Bá Huy	Khoa học và Kỹ thuật, 2006, Việt Nam	3	Sản xuất và tiêu dùng bền vững	MT70102	2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
200.	Môi trường & Phát triển bền vững	Lê Bá Dũng	NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2020, Việt Nam	3	Sản xuất và tiêu dùng bền vững	MT70102	2	
201.	Giáo trình kỹ thuật năng lượng tái tạo	Nguyễn Thanh Hào, Nguyễn Huy Bích	Trường Đại học Quốc gia T.P. Hồ Chí Minh 2015, Việt Nam	3	Năng lượng tái tạo	MT70112	5	
202.	Cơ Sở Năng Lượng Tái Tạo	Dương Ngọc Huyền	Bách Khoa Hà Nội, 2022, Việt Nam	3	Năng lượng tái tạo	MT70112	5	
203.	Giáo trình năng lượng tái tạo và sự phát triển bền vững	Nguyễn Thế Bảo	Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2020, Việt Nam	3	Năng lượng tái tạo	MT70112	5	
204.	Năng Lượng Tái Tạo	Trần Quang Khánh	Khoa học và Kỹ thuật, 2022, Việt Nam	3	Năng lượng tái tạo	MT70112	5	
205.	Hóa học vô cơ	Phạm Vũ Nhật; Lương Thị Kim Nga	Đại học Cần Thơ, 2019, Việt Nam	3	Hóa vô cơ	HH71001	5	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
206.	Giáo trình thực hành hóa học vô cơ	Trương Thị Cẩm Mai	Khoa học và Kỹ thuật, 2019, Việt Nam	3	Hóa vô cơ	HH71001	5	
207.	Inorganic Chemistry	D Shriver and P W Atkins	5 th Ed, Freeman, 2010	3	Hóa vô cơ	HH71001	5	
208.	Inorganic Chemistry	C.E. Housecroft and A. G. Sharpe	4 th Ed, Fearson, 2012	3	Hóa vô cơ	HH71001	5	
209.	Organic and Inorganic Chemistry	Dakota Rooney	larsen & keller education, 2022	3	Hóa vô cơ	HH71001	5	
210.	Kinh tế tuần hoàn 4.0	Nguyễn Đức Dũng	Đại học Huế, 2008,	3	Kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững	MT70105	5	
211.	Kinh tế tuần hoàn và những vấn đề tiên phong	Bộ Công Thương	Công Thương, 2017, Việt Nam	3	Kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững	MT70105	5	
212.	Kỹ thuật an toàn và môi trường	Đình Đắc Hiến	Bách khoa Hà Nội, 2015, Việt Nam	3	An toàn máy móc thiết bị	MT71224	6	
213.	Safety with Machinery	John Ridley, Dick Pearce	CRC Press, 2006, US	3	An toàn máy móc thiết bị	MT71224	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
214.	System Safety Engineering and Risk Assessment	Nicholas J. Bahr	CRC Press, 2018, US	3	An toàn máy móc thiết bị	MT71224	6	
215.	Tool, Machine, and Equipment: Safety and Operation	Thomas A. Hoerner (Author), Mervin D. Bettis (Author)	Rowman & Littlefield Publishers, 2023, US	3	An toàn máy móc thiết bị	MT71224	6	
216.	Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức	Phạm Vũ Khiêm Hứa Thùy Trang	Bách Khoa Hà Nội, 2020, Việt Nam	3	Quản lý sự thay đổi	MT71225	5	
217.	Lãnh đạo sự thay đổi - Change	John P Kotter, Vanessa Akhtar	Tổng Hợp TPHCM, 2021, Việt Nam	3	Quản lý sự thay đổi	MT71225	5	
218.	Quản lý sự thay đổi	Harvard Business Review	Thông Tin Và Truyền Thông, 2021, Việt Nam	3	Quản lý sự thay đổi	MT71225	5	
219.	Dẫn dắt sự thay đổi	Rajiv Kohli, Kashmiri L. Mittal	Thông Tin Và Truyền Thông, 2022, Việt Nam	3	Quản lý sự thay đổi	MT71225	5	
220.	Kinh tế tuần hoàn 4.0	Nguyễn Đức Dũng	NXB Thế giới, 2020, Việt Nam	3	Sản xuất và tiêu dùng bền vững	MT70102	2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
221.	Kinh tế tuần hoàn và những vấn đề tiên phong	Tập thể tác giả	NXB Công Thương, 2023, Việt Nam	3	Sản xuất và tiêu dùng bền vững	MT70102	2	
222.	Vật liệu và thiết bị nano	Trương Văn Tân	NXB tổng hợp TpHCM, 2018, Việt Nam	3	Công nghệ vật liệu nano	HH71014	7	
223.	Công nghệ Nano và ứng dụng trong sản xuất thuốc	Nguyễn Ngọc Chiến	NXB Y học, 2022, Việt Nam	3	Công nghệ vật liệu nano	HH71014	7	
224.	Vật liệu chất dẻo và composite	Trần Ích Thịnh Bùi Huy Tiến	Xây dựng, 2020, Việt Nam	3	Công nghệ vật liệu composite	HH71015	7	
225.	Vật liệu Composite cơ học và Công nghệ	Nguyễn Hoa Thịnh - Nguyễn Đình Đức	NXB KH KT, 2023, Việt Nam	3	Công nghệ vật liệu composite	HH71015	7	

2.2.3 Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
1	Đèn cồn	TQ	10	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
2	Máy đo pH Hana để bàn pH211	TQ	1	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
3	Máy khuấy từ	TQ	1	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
4	Tủ nung, lò nung 2,5kw - kích thước 200x120x80	TQ	1	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
5	Chày cối sứ	TQ	2	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
6	Becher 250 ml	TQ	10	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
7	Tủ Sấy 101A - 1A	TQ	1	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
8	Cân điện tử 2 số lẻ	TQ	2	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
9	Cân 1 số lẻ 200g	TQ	1	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
10	Tủ hút khí độc	TQ	1	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
11	Erlen 250 ml	TQ	10	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
12	Nhiệt kế 100 ⁰ C	TQ	5	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
13	Que khuấy	TQ	5	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
14	Bếp điện	TQ	4	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
15	Ống nghiệm F22	TQ	10	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
16	Erlen 250ml có nút nhám	TQ	5	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
17	Bể điều nhiệt	TQ	1	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
18	Máy đo độ dẫn điện	Hana - Ý	1	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
19	Bộ lọc hút chân không	TQ	1	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
20	Kẹp ống nghiệm	TQ	10	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
21	Bộ chưng cất tinh dầu	Đức	2	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
22	Nhớt kế	TQ	1	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
23	Phễu thủy tinh	TQ	5	Cái	1. Thực hành hóa lý 2. Thực hành hóa hữu cơ	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
24	Lò nung	TQ	1	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
25	Tủ sấy	TQ	1	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
26	Tủ hút khí độc	TQ	1	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
27	Cân điện tử 1 số lẻ	TQ	1	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
28	Cân điện tử 2 số lẻ	TQ	2	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
29	Thiết bị khuấy đa cấp	TQ	1	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
30	Bếp điện	TQ	4	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
					2. Thực hành Hóa đại cương			
31	Máy ly tâm	TQ	1	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
32	Cân kỹ thuật	TQ	1	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
33	Máy lắc ngang	TQ	1	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
34	Bình hút ẩm	TQ	1	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
35	Máy lọc nước	TQ	1	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
36	Brix kế	TQ	2	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
37	Bộ chưng cất đơn	TQ	2	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
38	Bộ chưng cất xác định độ ẩm	TQ	1	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
					2. Thực hành Hóa đại cương			
39	Becher 500 ml	TQ	10	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
40	Becher 250 ml	TQ	10	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
41	Becher 100 ml	TQ	10	Cái	1. Thực hành kỹ thuật phòng thí nghiệm 2. Thực hành Hóa đại cương	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
42	TB Chung cất ethanol	Việt Nam	2	Cái	Thực hành máy và thiết bị		05 người/ 01 thiết bị	
43	Thiết bị tháp đệm	Việt Nam	1	Cái	Thực hành máy và thiết bị	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
44	Thiết bị Thời gian lưu	Việt Nam	1	Cái	Thực hành máy và thiết bị	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
45	Thiết bị Mạch lưu chất	Việt Nam	1	Cái	Thực hành máy và thiết bị	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
46	Thiết bị bơm và ghép bơm	Việt Nam	1	Cái	Thực hành máy và thiết bị	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
47	Thiết bị Sấy đối lưu	Việt Nam	1	Cái	Thực hành máy và thiết bị	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
48	Thiết bị chiên chân không	Việt Nam	1	Cái	Thực hành máy và thiết bị	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
49	Thiết bị trích ly	Việt Nam	1	Cái	Thực hành máy và thiết bị	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
50	Thiết bị truyền nhiệt ống chùm	Việt Nam	1	Cái	Thực hành máy và thiết bị	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
51	Thiết bị truyền nhiệt ống xoắn	Việt Nam	1	Cái	Thực hành máy và thiết bị	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
52	Thiết bị Quạt ly tâm	Việt Nam	1	Cái	Thực hành máy và thiết bị	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
53	Dây chuyền sản xuất tinh bột nghe	Việt Nam	1	Cái	Thực hành máy và thiết bị	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
54	Thiết bị trích ly tinh dầu 30kg/h	Việt Nam	1	Cái	Thực hành máy và thiết bị	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	
55	Tủ lạnh	Việt Nam	1	Cái	Hóa sinh và ứng dụng	Liên tục	05 người/ 01 thiết bị	

2.2.4. Công nghệ học liệu

Từ năm 2020, Nhà trường đã sử dụng hệ thống LMS Canvas (<https://canvas.dntu.edu.vn>) phục vụ công tác giảng dạy, đáp ứng việc học trực tuyến hiệu quả cho sinh viên, tạo công cụ quản lý giảng dạy, lưu trữ bài giảng và tài liệu. Hệ thống canvas hỗ trợ tối ưu việc lưu trữ được nguồn tài nguyên học liệu lớn: video, hình ảnh trực quan, file âm thanh, các file word, excel, pdf. Giảng viên có thể chia sẻ nguồn tài liệu; theo dõi và quản lý, phân công nội dung, quá trình dạy – học, đánh giá quá trình giảng dạy dễ dàng, nhanh chóng. Sinh viên chủ động theo dõi nội dung học tập, làm bài tập, quản lý kết quả học tập trong suốt quá trình học. Hệ thống canvas hỗ trợ việc tổ chức các kỳ thi, đánh giá sinh viên trong quá trình học tập tại Trường bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận, hỗ trợ đa dạng hình thức câu hỏi (assignment và quiz) và giới hạn thời gian của bài thi dễ dàng. Giảng viên đã có thể tự động hóa công tác đánh giá, chấm điểm và quản lý sinh viên dễ dàng. Đồng thời, giảng viên có thể thảo luận theo chủ đề và gửi thông báo cho nhóm, theo dõi mức độ tương tác của người học trên hệ thống Canvas.

2.3 Hoạt động nghiên cứu khoa học

Về hoạt động nghiên cứu khoa học: Chính sách nghiên cứu khoa học của Trường hỗ trợ tối đa cho việc đào tạo các nhà khoa học trẻ từ giảng đường, hướng tới những nghiên cứu ứng dụng liên ngành có giá trị thiết thực. Trường mong muốn hướng tới việc tạo ra một môi trường nghiên cứu tiên tiến, phát triển, và thu hút được sự quan tâm của các nhà khoa học tại khắp nơi trên thế giới đồng thời xây dựng lòng yêu mến khoa học công nghệ trong thế hệ trẻ của đất nước. Hơn 20% các công bố quốc tế có sự tham gia của sinh viên, chương trình nghiên cứu ngắn hạn kết hợp với các trường đại học quốc tế thuộc các nhóm ngành công nghệ phát triển và nhóm ngành kinh tế, quản trị thu hút được quan tâm của nhiều doanh nghiệp.

2.3.1 Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
1.	Số: 196/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15 tháng 9 năm 2020, TR:2020-22/SKTC-SV	Cấp cơ sở	Ứng dụng tinh dầu bạc hà từ thiết bị chưng cất tinh dầu trong sữa rửa mặt kháng khuẩn	ThS. Lại Thị Hiền	Số:55/QĐ-ĐHCNĐN	Ngày 06 tháng 04 năm 2021	Tốt	
2.	Số: 211/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15 tháng 11 năm 2019, TR:2019-01/KUS	Cấp cơ sở	Tổng hợp thuốc trừ sâu sinh học	ThS. Lại Thị Hiền	Số: 129/QĐ ĐHCNĐN	Ngày 22 tháng 06 năm 2020	Tốt	
3.	Số: 211/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15 tháng 11 năm 2019, TR:2019-02/KUS	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tổng hợp nước gel rửa tay sát khuẩn DNTU-care	ThS. Nguyễn Hồng Ánh	Số: 129/QĐ-ĐHCNĐN	Ngày 22 tháng 06 năm 2020	Tốt	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
4.	Số: 196/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15 tháng 9 năm 2020, TR:2020-22/SKTC-SV	Cấp cơ sở	Xây dựng mô hình QSAR dự báo hoạt tính kháng ung thư Hela của các dẫn xuất Flavonoid	TS. Trần Thanh Đại	Số: 36/QĐ-ĐHCNĐN	Ngày 05 tháng 04 năm 2018	Tốt	
5.	TR:2019-03/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Thiết kế tủ sấy lạnh quy mô hộ gia đình	Nguyễn Thị Ngân	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNĐN ngày 15/11/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNĐN	17/11/2019	Đạt	
6.	TR:2019-04/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Sữa cô đặc từ hạt	Hồ Thị Ngọc Nhung	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNĐN ngày 15/11/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNĐN	17/11/2019	Đạt	
7.	TR:2019-05/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Chế biến sữa viên nén	Hồ Thị Ngọc Nhung	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNĐN ngày 15/11/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN	17/11/2019	Đạt	
8.	TR:2019-06/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Chế biến bột thịt làm gia vị thức ăn dành cho đối tượng trẻ em	Nguyễn Thị Thùy Duyên	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNĐN ngày 15/11/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNĐN	17/11/2019	Đạt	
9.	TR:2019-07/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Chế biến nước thanh long bằng phương pháp enzyme-siêu âm	Nguyễn Thị Thùy Duyên	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNĐN ngày 15/11/2019 của Hiệu	17/11/2019	Đạt	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
					trưởng Trường ĐHCNDN			
10.	TR:2019-08/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Sản xuất thạch dừa từ nước mía	Nguyễn Thị Lê Phương	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNDN ngày 15/11/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNDN	17/11/2019	Đạt	
11.	TR:2019-09/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Chế biến nước uống lên men từ thanh long	Huỳnh Thị Thúy Loan	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNDN ngày 15/11/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNDN	17/11/2019	Đạt	
12.	Số 48/HĐ-SKHCN ngày 27 tháng 06 năm 2022 (Từ tháng 05/2022 đến tháng 09/2024); DTT2020-13-A	Đề tài cấp Tỉnh	Nghiên cứu phát triển đa dạng hóa sản phẩm thực phẩm từ bưởi Da xanh	Huỳnh Thị Thúy Loan				Đang thực hiện

2.3.2 Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Ngân; Utilizing vacuum drying method to produce soursop (annona muricata) tea; Hội thảo quốc tế "Advanced and Applied Convergence & Advanced Culture Technology ISSN: 2288-6060	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
2.	Nguyễn Thị Ngân, Obtaining the extract containing rich content of phenolic compounds from diep ha chau (phyllanthus amarus) grown in phu yen province for medication purposes, Tạp chí khoa học giáo dục kỹ thuật, trường đại học sư phạm kỹ thuật tp. hồ chí minh ISSN:1859-1272;	
3.	Nguyễn Thị Ngân, Vai trò của thư viện trong việc dạy và học theo phương pháp E-learning tại DNTU, Hội thảo cấp trường;	
4.	Nguyễn Thị Ngân, Nghiên cứu chế biến nước cỏ lên men từ cỏ lúa mì, Kỷ yếu HNKHSV3,	
5.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Ảnh hưởng của quá trình trích ly và cô đặc đến chất lượng sữa cô đặc từ hạt, Kỷ yếu HNKHSV3,	
6.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Effect of coconut oil on the textural of dark chocolate, Hội thảo quốc tế "Advanced and Applied Convergence & Advanced Culture Technology", ISSN: 2288-6060;	
7.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Nghiên cứu quy trình sản xuất kẹo Jelly có bổ sung dịch lá và thịt quả măng cầu xiêm, Kỷ yếu HNKHSV3	
8.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Nghiên cứu quy trình sản xuất bột gia vị tôm thịt, Kỷ yếu HNKHSV3	
9.	Bùi Thị Phương Thúy, Prediction of physicochemical property and anticancer activity of flavone and isoflavone derivatives, Hội thảo quốc tế "Advanced and Applied Convergence & Advanced Culture Technology, ISSN: 2288-6060	
10.	Đào Khánh Châu, The Effect of Hydraulic Retention Times and Loading Rates on the Removal of Pollutants from Fish Processing Wastewater by Anaerobic Process, Journal of Food Science and Engineering, ISSN: 2159-5828 (Print), ISSN: 2164-5795 (Online)	
11.	Bùi Thị Phương Thúy, Xây dựng mô hình QSAR dự báo hoạt tính kháng ung thư cỏ tử cung của 2 dẫn xuất Flavonoid chiết xuất từ trái nhàu, Kỷ yếu HNKHSV3	
12.	Bùi Thị Phương Thúy, Dự đoán chỉ số chất lượng nước ở sông Đồng Nai, Việt Nam bằng kỹ thuật mạng thần kinh nhân tạo, Kỷ yếu HNKHSV3	
13.	Bùi Thị Phương Thúy, Prediction anticancer activity of flavinoid derivative from plans using qsar models, Hội thảo quốc tế "Advanced and Applied Convergence & Advanced Culture Technology, ISSN: 2288-6060	
14.	Lại Thị Hiền, Hoạt tính kháng nấm Phytophthora capsici của nano ZnO, Tạp chí Hóa học, ISSN (Print): 0866-7144, ISSN (Online): 2572-8288	
15.	Võ Thị Diễm Kiều, Assessing the methylene blue adsorption capacity on rice husk ash, Tạp chí quốc tế International Journal of Advanced Engineering and Management Research, ISSN: 2456-3676	
16.	Võ Thị Diễm Kiều, Controlling carbonaceous skeleton by a multi-method study on cashew nutshells for producing activated charcoal, Tạp chí quốc tế International Journal of Advanced Engineering and Management Research, ISSN: 2456-3676	
17.	Phạm Văn Thịnh, Modeling and Optimization of the Orange Leaves Oil Extraction Process by Microwave-Assisted Hydro-Distillation: The Response Surface Method Based on the Central Composite Approach (RSM-CCD Model), rasayan journal of chemistry, ISSN: 0974-1496 (Print), ISSN: 0976-0083 (Online)	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
18.	Phạm Văn Thịnh, Chemically Modified Hydroxyapatite Nanocrystals by Temperature-Responsive Poly (N-isopropylacrylamide) via Surface Initiated Radical Polymerization, asian journal of chemistry, ISSN: 0970-7077 (Print), ISSN: 0975-427X (Online)	
19.	Phạm Văn Thịnh, Production Process of Hand Sanitizer from Vietnamese Coconut Oil, ASIAN JOURNAL OF CHEMISTRY, ISSN: 0970-7077 (Print), ISSN: 0975-427X (Online)	
20.	Phạm Văn Thịnh, Simple Synthesis and Characterization of Cobalt Ferrites on Expanded Graphite by the Direct Sol-Gel Chemistry for Removal of Oil Leakage (Fuel Oil, Diesel Oil and Crude Oil), IOP Conf. SERIES: MATERIALS SCIENCE AND ENGINEERING, ISSN: 1757-8981	
21.	Phạm Văn Thịnh, Extraction of Anthocyanins from Butterfly Pea (Clitoria Ternatea L. Flowers) in Southern Vietnam: Response Surface Modeling for Optimization of the Operation Conditions, IOP Conf. SERIES: MATERIALS SCIENCE AND ENGINEERING, ISSN: 1757-8981	
22.	Đông Thị Thu Huyền, Nghiên cứu khả năng cải thiện điều kiện vi khí hậu bằng mô hình mái xanh cho các công trình mái Tole và dốc, Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756	
23.	Đông Thị Thu Huyền, Ứng dụng mô hình AIDA nhằm nâng cao kỹ năng dạy học trong môi trường học tập E-Learning tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Hội thảo cấp trường	
24.	Đông Thị Thu Huyền, Thực trạng và giải pháp việc liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai với các doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai, Hội thảo cấp trường	
25.	Trương Tấn Trung, Theoretical study interaction of (CH ₃) ₂ S with 2H ₂ O/1CO ₂ :1H ₂ O by quantum chemistry method, Tạp chí Khoa học và Đào tạo – Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, ISSN: 2354-0567	
26.	Trương Tấn Trung, Xây dựng và phát triển học liệu mở nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong môi trường đào tạo E-learning, Hội thảo cấp trường	
27.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Rheological properties of dark chocolate replaced cocoa butter with coconut oil, Journal of advanced research in food science and nutrition, ISSN: 2582-3892 (Online)	
28.	Võ Thị Diễm Kiều, The optimization of Parameters for the Spray drying process of Wood apple extract using response surface methodology, International Journal of Innovative Technology and Exploring Engineering, ISSN: 2278:3075 (Online)	
29.	Trần Thanh Đại, Effects of Dissolved Oxygen Concentration on the Performance of Sponge Membrane Bioreactor Treating Hospital Wastewater, ISSN: 0301-4797	
30.	Đông Thị Thu Huyền, Nghiên cứu tận dụng bùn thải ao nuôi cá tra làm phân hữu cơ và đánh giá hiệu quả của nó trong nông nghiệp, tạp chí phát triển khoa học và công nghệ, khoa học trái đất và môi trường, ISSN 2588-1078, 28-139 (2020)	
31.	Đông Thị Thu Huyền, đánh giá hiệu quả xử lý nước thải chăn nuôi sau biogas quy mô hộ gia đình khu vực đồng bằng sông cửu long bằng phương pháp hấp phụ biochar kết hợp oxy hóa bậc cao (ozon), tạp chí môi trường, ISSN 1859-042X	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
32.	Đông Thị Thu Huyền, Đề xuất mô hình sản xuất canh tác tích hợp hướng tới không phát thải cho hộ chăn nuôi áp dụng điển hình cho hộ chăn nuôi bò ở khu vực bẫy núi, tạp chí phát triển khoa học và công nghệ, khoa học trái đất và môi trường, ISSN 2588-1078	
33.	Đông Thị Thu Huyền, Giới thiệu mô hình giảng dạy kỹ năng sống của trường đại học công nghệ đồng nai cho trường th&THCS Nguyễn khuyến, Hội thảo cấp trường	
34.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sản xuất mứt vỏ thanh long, Hội nghị cấp trường	
35.	Hồ Thị Ngọc Nhung, nghiên cứu ảnh hưởng của nguyên liệu đến chất lượng sản phẩm sữa đặc mè đen, Hội nghị cấp trường	
36.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình nảy mầm gạo lứt đã xát vỏ trấu tăng hàm lượng GABA, Hội thảo có chỉ số ISBN: 978-604-67-1404	
37.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Đánh giá hiệu quả trích ly dịch quả thanh long bằng phương pháp lạnh đông tan giá có hỗ trợ sóng siêu âm, Hội nghị cấp trường	
38.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Tối ưu hóa quá trình siêu âm hỗ trợ thẩm thấu và sấy chân không đến chất lượng xoài sấy dẻo, Hội nghị cấp trường	
39.	Huỳnh Thị Thúy Loan, effects of acid glutamic and lighting on gaba content in germinated brown rice" Journal of advanced research in food science and nutrition, Journal of advanced research in food science and nutrition, ISSN 2582-3892, volume3, issue 1, 2020, 31-33	
40.	Huỳnh Thị Thúy Loan, khảo sát ảnh hưởng của axit glutamic và ánh sáng đến quá trình nảy mầm gạo lứt đã xay xát tăng hàm lượng gaba, Hội nghị cấp trường	
41.	Huỳnh Thị Thúy Loan, trích ly đường cỏ ngọt sử dụng thay thế đường saccharose cho sản phẩm bánh cookies, Hội nghị cấp trường	
42.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Tăng hiệu suất thu hồi dịch thanh long bằng phương pháp lạnh đông kết hợp phương pháp ly tâm, Hội nghị cấp trường	
43.	Võ Thị Diễm Kiều, Ảnh hưởng của quá trình trần và sấy đến chất lượng của ớt chỉ thiên, Tạp chí Công thương 0866-7756 số 13-2019	
44.	Trương Tấn Trung, Theoretical and experimental study of the vibrational spectrum of phenol based on the density functional, International journal of advanced engineering and management research, ISSN: 2456-3676, vol. 5, No. 02, 02/2020, page 77-85	
45.	Trương Tấn Trung, Molecular structure, vibrational spectra, aim, nbo, mep, and homo-lumo analysis of benzoic acid monomer/dimer by density functional theory, Hội nghị cấp trường	
46.	Trương Tấn Trung, Trends in geometry, stability, intermolecular interaction, cooperativity in complexes of dimethyl sulfide with three water molecules, AGU International Journal of Sciences, ISSN: 0866-8086, 2020, Vol. 8 (1), 97 – 105	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
47.	Nguyễn Thị Ngân, Quality characteristics of dried queen pineapple by cold air drying combined with ultrasound pretreatment process, Journal of advanced research in food science and nutrition, 2582-3892, Vol. 4, Iss. 1	
48.	Võ Thị Diễm Kiều, The effect of blanching and drying process to the quality of Capsicum Frutescens L., American journal of engineering research, 2320-0847, Vol. 10, Iss. 1	
49.	Nguyễn Thị Ngân, Investigating soaking, germination and drying conditions to enhance Gaba (γ-aminobutyric acid) content in germinated soybean (Glycine max L.) powder, Journal of advanced research in food science and nutrition, 2582-3892, Vol. 4, Iss. 1	
50.	Nguyễn Hồng Anh, Exploration of the optimum rice husk biochar for atrazine and 2,4-D removal: different pyrolysis and modification conditions, Geoscience engineering, 0474-8476 (hard copy), 1802-5420 (online), Vol. 66, Iss. 4	
51.	Lê Phan Quang Huy, Application of aquatic plants to treat water eutrophication: problems and challenges, International research Journal of modernization in engineering technology and science, 2582-5208, Vol 3, iss6, June 2021	
52.	Võ Thị Diễm Kiều, Effect of Alum and Blanching time on the Naringin and hardness of grapefruit peel waste, Journal of advanced research in food science and nutrition, 2582-3892, Vol.4, Iss.1,30/6/2021	
53.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Organic food consumption: Attitudes and orientations towards healthiness nowadays, EPRA International Journal of Socio-Economic and Environmental Outlook (SEEO), ISSN: 2348-4101 (Online), 44378	
54.	Nguyễn Thị Lê Phương, Situation and proposed solutions to control in the use of food additives on the basis of the law in Vietnam, International Research Journal of Modernization In Engineering Technology And Science, ISSN: 2582-5208 (Online), 44378	
55.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Influence of the extraction process on the chlorophyll content of rice grass, Hội nghị Advanced and Applied Convergence & Advanced Culture Technology-AAACL16, ISSN: 2288-6060, 2020	
56.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Production of dragon juice with the addition of snow fungus, Hội nghị Advanced and Applied Convergence & Advanced Culture Technology-AAACL16, ISSN: 2288-6060, 2020	
57.	Nguyễn Thị Lê Phương, Studying Nata de coco processing from sugarcane juice, Hội nghị Hội nghị Advanced and Applied Convergence-AAACL17 - 7th International Joint Conference on Convergence, IJCC 2021 in conjunction with ICAI 2021, ISSN: 2288-6060, 2021	
58.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Investigating factors affect the citronella essential oil extraction, Hội nghị Advanced and Applied Convergence-AAACL17 - 7th International Joint Conference on Convergence, IJCC 2021 in conjunction with ICAI 2021, ISSN: 2288-6060, 2021	
59.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Enhancing the extracted juice yield and reducing loss vitamin C of dragon fruit juice by combined freezing and centrifugal methods, Hội nghị Proceedings of the international conference on science, technology and society studies (STS) 2020, ISBN: 978-604-67-1574-0, 2020	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
60.	Đông Thị Thu Huyền, Áp dụng khung sinh kế bền vững để đánh giá sinh kế cho người dân nông thôn huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - Khoa học Trái đất và Môi trường, ISSN: 2588-1078, Công bố 10/11/2020	
61.	Đông Thị Thu Huyền, Đề xuất bộ tiêu chí phát triển mô hình ngăn ngừa, giảm thiểu và xử lý chất thải phù hợp với các điều kiện tự nhiên đặc thù tại vùng nông thôn đồng bằng sông cửu long, Tạp chí Môi trường, ISSN: 2615-9597, Công bố 03/2021	
62.	Võ Thị Diễm Kiều, Ảnh hưởng của một số yếu tố đến hiệu quả của quá trình thủy phân lá dừa bằng enzym cellulase, ISSN: 0866-7756 (print), Công bố: Số 21, tháng 8/2020	
63.	Trần Thanh Đại, Improving combustion and emission characteristics of a biogas/biodiesel-powered dual-fuel diesel engine through trade-off analysis of operation parameters using response surface methodology, tạp chí quốc tế: Sustainable Energy Technologies and Assessments, Volume 53 Part A, October 2022	
64.	Nguyễn Thị Ngân, Nhận thức về bảo hộ thông tin sáng chế và các giải pháp đẩy mạnh các sáng chế tại Đại học Công nghệ Đồng Nai, Hội thảo cấp quốc gia, 2020	
65.	Nguyễn Thị Ngân, Nhận thức về bệnh suy giãn tĩnh mạch mạn tính chi dưới ở giảng viên giảng dạy tại Đại học Công nghệ Đồng Nai: Các giải pháp phòng ngừa và điều trị, Hội thảo cấp quốc gia, 2021	
66.	Nguyễn Thị Ngân, Nâng cao hiệu suất trích ly Dâu tằm (Morus Alba) bằng phương pháp kết hợp chế phẩm Enzyme Pectinase và sóng siêu âm, Hội nghị cấp Trường, 2021	
67.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Các yếu tố ảnh hưởng đến mứt dừa bổ sung đường Stevia (cỏ ngọt), Hội thảo cấp quốc gia, ISSN: 0866-7705, 2020	
68.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Thực trạng vi phạm bản quyền mẫu mã bao gói và tính cấp thiết đăng ký sở hữu trí tuệ nhãn hiệu, Hội thảo cấp quốc gia, 2020	
69.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Nghiên cứu trích ly pectin từ vỏ bưởi, Hội nghị cấp Trường, 2021	
70.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Nghiên cứu quy trình sản xuất xoài sấy dẻo có bổ sung đường sorbitol và treha, Hội thảo cấp quốc gia, ISSN: 0866-7705, 2020	
71.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Vai trò của chỉ dẫn địa lý - sở hữu trí tuệ trong thời kỳ Việt Nam mở cửa hội nhập kinh tế thế giới, Hội thảo cấp quốc gia, 2020	
72.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Tối ưu hóa quy trình trích dịch thanh long - ngân nhĩ, Hội nghị cấp Trường, 2021	
73.	Nguyễn Thị Lệ Phương, Nghiên cứu quy trình chế biến thạch dừa nước mía, Hội thảo cấp quốc gia, ISSN: 0866-7705, 2020	
74.	Nguyễn Thị Lệ Phương, Bệnh nghề nghiệp trong nhà máy thủy sản khu vực Đông Nam Bộ trong những năm gần đây, Hội thảo cấp quốc gia, 2021	
75.	Nguyễn Thị Lệ Phương, Tận dụng phôi ngô sản xuất dầu ngô, Hội nghị cấp Trường, 2021	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
76.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Ứng dụng trích ly đường cỏ ngọt sử dụng thay thế đường Saccharose cho sản phẩm bánh Cookies, Hội thảo cấp quốc gia, ISSN: 0866-7705, 2020	
77.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Khảo sát yếu tố ảnh hưởng đến tăng Gaba trong gạo lứt, Hội thảo cấp quốc gia, ISSN: 0866-7705, 2020	
78.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Sở hữu trí tuệ và bản quyền các bài giảng quay studio, nghiên cứu khoa học cấp trường và chuyển giao công nghệ được lưu trữ tại thư viện số, Hội thảo cấp quốc gia, 2020	
79.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Sở hữu trí tuệ và bản quyền các bài giảng trong quá trình giảng dạy trên môi trường số hậu Covid-19, Hội thảo cấp quốc gia, 2020	
80.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Trích ly tinh dầu sả và kiểm tra khả năng kháng khuẩn của tinh dầu, Hội nghị cấp Trường, 2021	
81.	Lê Phan Quang Huy, Đánh giá diễn biến chất lượng nước hồ sông mây và phân tích tác động, Hội nghị cấp Trường, 2021	
82.	Nguyễn Hồng Ánh, Phương pháp giảng dạy cải tiến giúp sinh viên học tập chủ động và trải nghiệm, đạt các chuẩn đầu ra theo CDIO, Hội thảo cấp Trường, 2021	
83.	Đông Thị Thu Huyền, Cải thiện môi trường làm việc và phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Hội thảo cấp quốc gia, 2021	
84.	Đông Thị Thu Huyền, Phát triển kinh tế tư nhân vùng Tây Nguyên và một số vấn đề đặt ra về môi trường cần quan tâm, Hội thảo cấp quốc gia, 2020	
85.	Trương Tấn Trung, Làm thế nào để cải thiện kỹ năng viết và công bố công trình khoa học? Bài học kinh nghiệm và đề xuất, Hội thảo cấp trường, 2021	
86.	Trương Tấn Trung, Giải quyết vấn đề về giấc ngủ nhằm cải thiện sức khỏe và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động trong Doanh nghiệp hiện nay, Hội thảo quốc gia, 2021	
87.	Trương Tấn Trung, Geometry, vibrational, NBO, MEP and HOMO-LUMO analysis of tetrahydrofuran (THF) based on DFT calculations, Tạp chí Khoa học Công nghệ và Thực phẩm, 0866-8132, Tập 21-Số 2 (6/2021)	
88.	Trương Tấn Trung, DFT calculations of Nitrophenyl psoralen: A new inhibiting compound as part of treatment could become available to reduce the paralysis induced by Botulinum, International Journal of progressive sciences and technologies, 2509-0119, Vol. 25, No. 2	
89.	Trương Tấn Trung, Prevalence of Toxocara spp. Infection: investigate from the Thong Nhat Dong Nai general Hospital from 2019 to 2020, American journal of sciences and engineering research, 2348-703X, Vol. 4, Iss. 1	
90.	Võ Thị Diễm Kiều, Optimization of the Parameters of Cashew Pulp Purée Hydrolysis using Pectinase for Increasing Antioxidant Activity by Response Surface Methodology (RSM), Journal of Advanced Research in Food Science and Nutrition, Tạp chí quốc tế, ISSN-Online: 2582-3892, Volume 4, Issue 2 - 2021, Pg. No. 9-14	
91.	Hồ Thị Ngọc Nhung, CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH TRÍCH LY PROTEIN TỪ ĐẬU GÀ (Chickpeas), Hội nghị KHSV 2022, Kỷ yếu trong nước, Ngày công bố: tháng 05/2022	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
92.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, ứng dụng enzyme protamex (serine protease) trong quá trình thủy phân thịt heo, kỹ yếu hội thảo quốc gia ứng dụng công nghệ sinh học trong chế biến, bảo quản và phát triển thực phẩm bảo vệ sức khỏe con người, ISBN: 978-604-82-6090-3, Ngày công bố: 11/2021	
93.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Nghiên cứu quy trình sản xuất rau cô đặc, Hội nghị KHSV 2022, Kỹ yếu trong nước, Ngày công bố: tháng 05/2022	
94.	Lê Phan Quang Huy, Optimization for the production of highly active cellulase enzyme from trichoderma reesei (t.reesei) using semi-solid fermentation, international research journal of modernization in engineering technology and science, Tạp chí quốc tế ISSN: 2582-5208 (Online), Published: June-2022	
95.	Trần Văn Khánh, Nghiên cứu tối ưu hóa quá trình siêu âm dịch quả Bình bát dây, Hội nghị KHSV 2022, Ngày công bố: tháng 05/2022	
96.	Đông Thị Thu Huyền, Đánh giá tình hình sử dụng điện năng trong khu công nghiệp Biên Hòa II, tỉnh Đồng Nai và đề xuất sử dụng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020-2025, Tạp chí Phát triển khoa học và Công nghệ - Khoa học trái đất và môi trường, Tạp chí HĐGSNN, ISSN: 2588:1078, Ngày công bố: 31/5/2022	
97.	Đông Thị Thu Huyền, Tích hợp giải pháp sinh học và ủ phân trong xử lý nước thải và bùn thải của hệ thống nuôi cá tra thương phẩm tại huyện Hồng Ngự - Tỉnh Đồng Tháp, Tạp chí môi trường, Tạp chí HĐGSNN, ISSN: 2615-9597(Print), Ngày công bố: 28/10/2022, chuyên IV 2022	
98.	Trương Tấn Trung, Biogenic one-step synthesis of silver nanoparticles using Quisqualis indica linn flower extract: Characterization, molecular docking, and DFT studies, Inorganic Chemistry Communications, ISSN: 1387-7003 (Print); 1879-0259 (Online), SCIE, Publisher: ELSEVIER	

2.4. Hợp tác quốc tế

Về hợp tác quốc tế: Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường hướng đến mục tiêu phát triển Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai trở thành trường đại học nghiên cứu, có uy tín quốc tế, và phát triển bền vững. Trường duy trì hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới thông qua các chương trình trao đổi ngắn hạn (chương trình thực tập, chương trình trao đổi văn hoá, chương trình nghiên cứu ngắn hạn...) và những chương trình khoa học công nghệ có sự tham gia của các nhà khoa học danh tiếng trên thế giới. Chương trình hợp tác quốc tế được xây dựng trên tinh thần tạo ra giá trị cốt lõi trong đào tạo, cung cấp cho người học những trải nghiệm có giá trị, tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo cơ hội cho sinh viên trở thành những “công dân toàn cầu”, sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau, xác lập được vị trí trên thị trường lao động quốc tế. Một số hoạt động hợp tác quốc tế nổi bật của Nhà trường như: chương trình đưa sinh viên đi trao đổi tại Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản; chương trình tiếp đón sinh viên quốc tế và trao đổi văn hoá.

2.4. Hợp tác doanh nghiệp

Đến tháng 11-2023, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã duy trì và triển khai hoạt động kết nối doanh nghiệp trong các hoạt động đào tạo, đồng thời mời các doanh nghiệp tham gia phỏng vấn kiểm định các chương trình đào tạo. Trong năm học 2022 – 2023 đảm bảo 100% cho tất các sinh viên đi kiến tập, thực tập đáp ứng đúng tiến độ đào tạo của Nhà trường. Nhà trường hợp tác với hơn 600 doanh nghiệp, tổ chức các buổi tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm và hướng nghiệp với khách mời là những doanh nhân thành công, phối hợp với doanh nghiệp huấn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên tham gia. Từ năm học 2018 -2019, Nhà trường đã thí điểm tăng cường thêm thời gian thực tập thực tế ngoài doanh nghiệp chưa tính thời gian thực tập cuối khóa cụ thể: khối ngành Công nghệ tăng thêm 3 tháng; khối ngành Kinh tế, Quản trị tăng thêm 2 tháng, giúp người học tìm hiểu sâu hơn về ngành nghề đang theo học, tích lũy các kinh nghiệm và kiến thức thực tế, để sau khi tốt nghiệp cơ hội có việc làm cao hơn. Năm học 2022-2023, Nhà trường đã phối hợp cùng doanh nghiệp tổ chức 46 hội thảo cơ hội việc làm, nhận được 206.000.000 VNĐ tài trợ từ phía doanh nghiệp một phần đó trích ra làm quỹ học bổng cho sinh viên còn lại để tổ chức các hoạt động hỗ trợ sinh viên, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp là 95% (đợt khảo sát tháng 11/2022). Ngoài việc duy trì kết nối với các doanh nghiệp đã có, còn mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam lớn nhằm nâng cao chất lượng cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường trong tương lai.

3. Chương trình đào tạo

3.1. Xây dựng CTĐT

Chương trình đào tạo gồm 152 tín chỉ, bao gồm khối kiến thức đại cương là 46 tín chỉ, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 106 tín chỉ, Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp 20 tín chỉ, đào tạo trong vòng 4 năm. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học được xây dựng căn cứ theo:

- Luật 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội về việc ban hành Luật giáo dục đại học và Luật 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016, phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 15 tháng 07 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, giai đoạn 2021 – 2025;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 260/QĐ-ĐHCNĐN ngày 23/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

- Tiếp thu một cách hợp lý ý kiến đóng góp của các bên liên quan;

- Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo của các đơn vị sử dụng lao động.

Trong quá trình xây dựng, Chương trình đào tạo được tham khảo các chương trình của các trường Đại học trong và ngoài nước.

Trong nước: Trường Đại học Công nghiệp TpHCM, Trường Đại học Công thương TpHCM, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Nước ngoài: Trường ĐH Ming Chi Đài Loan, Trường ĐH Florida.

3.2. Thẩm định CTĐT:

Chương trình đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 17/11/2023.

3.3. Điều kiện tuyển sinh, Dự kiến tuyển sinh trong 5 năm đầu, địa điểm đào tạo:

Điều kiện tuyển sinh : Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo, tuyển theo các tổ hợp A00; B00; A07; B04. Vùng tuyển sinh: cả nước.

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: Ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học dự kiến tuyển sinh là 50 sinh viên trong năm đầu tiên, 70 sinh viên ở năm thứ hai, 100 sinh viên ở năm thứ ba

Địa điểm đào tạo: Ngành sẽ đào tạo tại: Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

3.4. Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)

Kiến thức	
PLO1: Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, tự nhiên, chính trị và pháp luật trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện các công việc liên quan đến nghề nghiệp.	PI 1.1. Vận dụng (Apply) kiến thức khoa học xã hội để hình thành năng lực học tập suốt đời và giải quyết các vấn đề liên quan đến an toàn, môi trường và sức khỏe nghề nghiệp. PI 1.2. Vận dụng (Apply) kiến thức khoa học tự nhiên để hình thành năng lực học tập suốt đời và giải quyết các vấn đề liên quan đến an toàn, môi trường và sức khỏe nghề nghiệp. PI 1.3. Vận dụng (Apply) kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, an ninh quốc phòng để hình thành lý tưởng sống, ý thức tuân thủ pháp luật.
PLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành để giải quyết các vấn đề công nghệ trong lĩnh vực công nghệ hóa học	PI 2.1. Hiểu biết kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành công nghệ hóa học. PI 2.2. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề công nghệ trong lĩnh vực công nghệ hóa học. PI 2.3. Áp dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề cụ thể trong quá trình công nghệ hóa học.
PLO3: Đánh giá kết quả thí nghiệm để nâng cao chất lượng sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ hóa học	PI 3.1. Phân tích kết quả thí nghiệm để hiểu rõ về tính chất sản phẩm. PI 3.2. Áp dụng kết quả thí nghiệm vào quá trình sản xuất thực tế trong lĩnh vực công nghệ hóa. PI 3.3. Đề xuất các cải tiến và điều chỉnh dựa trên kết quả thí nghiệm để nâng cao chất lượng sản phẩm.
PLO4: Thiết kế các quá trình, thiết bị hay nhà máy để có thể sản xuất ra sản phẩm một cách kinh tế và an toàn.	PI 4.1 Hiểu biết về sự tiên bộ trong các thiết bị và công nghệ mới nhất để áp dụng chúng vào thiết kế. PI 4.2. Vận dụng các quy tắc an toàn và tiêu chuẩn trong thiết kế nhà máy và của quá trình sản xuất. PI 4.3. Đề xuất công nghệ mới vào thiết bị sản xuất để tối ưu hóa quá trình và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Kỹ năng	
PLO5: Vận dụng thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hoá.	<p>PI 5.1. Vận dụng (Apply) thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hoá.</p> <p>PI 5.2. Vận dụng (Apply) thành thạo kỹ năng ngoại ngữ để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hoá.</p> <p>PI 5.3. Vận dụng (Apply) kỹ năng mềm để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hoá.</p>
PLO6: Vận hành thiết bị, hệ thống thiết bị, dây chuyền sản xuất trong lĩnh vực công nghệ hóa học	<p>PI 6.1. Hiểu biết về các quy tắc an toàn và thực hành để đảm bảo môi trường làm việc an toàn và ngăn chặn tai nạn.</p> <p>PI 6.2. Vận hành các thiết bị trong phòng thí nghiệm và trong sản xuất.</p> <p>PI 6.3. Cải tiến hệ thống thiết bị sản xuất theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật.</p>
PLO7: Đề xuất các giải pháp để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực công nghệ hóa học	<p>PI 7.1. Hiểu biết về các phương pháp nghiên cứu và thử nghiệm để đưa ra các giải pháp có thể ứng dụng trong thực tế.</p> <p>PI 7.2. Ứng dụng kiến thức chuyên ngành để xác định và giải quyết thách thức trong công nghệ hóa.</p> <p>PI 7.3. Đề xuất giải pháp sáng tạo vào thực tế để cải thiện tình hình chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ hóa.</p>
PLO8: Nghiên cứu và phát triển sản phẩm, công nghệ sản xuất trong lĩnh vực công nghệ hóa học	<p>PI 8.1. Vận dụng kỹ thuật nghiên cứu để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao và đáp ứng nhu cầu thị trường.</p> <p>PI 8.2. Áp dụng các công nghệ tiên tiến trong quá trình phát triển sản phẩm và quy trình sản xuất.</p> <p>PI 8.3. Đề xuất giải pháp sáng tạo để cải thiện sản phẩm và quá trình sản xuất.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO 09: Tuân thủ các qui định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp; hình thành ý thức rèn luyện bản thân và học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.	<p>PI 9.1. Tuân thủ các qui định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>PI 9.2. Hình thành ý thức rèn luyện bản thân và học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.</p>

3.5. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
1	1	CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15				BB	Không		Không
2	1	HH70028	Hóa học đại cương	3	45	45				BB	Không		Không
3	1	HH70011	Nhập môn ngành CNHH	1	15	15				BB	Không		Không
4	2	CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45				BB	Không		Không
5	2	TA70305	Intensive English 1	4	60	60				BB	Không		Không
6	2	CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15				BB	Không		CB70303
7	2	CB70202	Toán cao cấp	3	45	45				BB	Không		Không
8	2	CB70301	Tin học 1	2	45	15	30			BB	Không		Không
9	2	HH70009	Hóa phân tích	2	30	30				BB	Không		HH70028
10	2	HH70010	Thực hành hóa phân tích	2	60		60			BB	Không		HH70004
11	2	HH70004	Thực hành Hóa đại cương	1	30		30			BB	Không		Không
12	2	CT70102	Vẽ kỹ thuật	2	30	30				BB	Không		Không
13	2	MT70103	Sản xuất và tiêu dùng bền vững	2	30	30				BB	Không		Không
14	3	CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30				BB	Không		Không
15	3	CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30				BB	Không		Không
16	3	TA70306	Intensive English 2	4	60	60				BB	Không		TA70305
17	3	CB70305	KN giao tiếp & xây dựng mối quan hệ	2	30	30				BB	Không		CB70304

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
18	3	CB70302	Tin học 2	2	45	15	30			BB	Không		CB70301
19	3	CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30				TC	Không		Không
20	3	CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30				TC	Không		Không
21	3	CB71103	Tâm lý học Y đức	2	30	30				TC	Không		Không
22	3	HH70002	Công nghệ hóa sinh ứng dụng	3	60	30	30			BB	Không		Không
23	3	HH70013	Quá trình và thiết bị cơ học	2	30	30				BB	Không		HH70028
24	3	CB71401	Giáo dục thể chất 1 – Bơi lội	1	30	0	30			BB	Không		Không
25	4	CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30				BB	Không		Không
26	4	TA70307	Intensive English 3	4	60	60				BB	Không		TA70306
27	4	CB70307	KN phòng tránh tai nạn công nghiệp	2	30	30				BB	Không		CB70305
28	4	CB71104	Kinh tế xanh và PTBV	2	30	30				TC	Không		Không
29	4	CB71105	Văn hóa và Âm nhạc dân tộc VN	2	30	30				TC	Không		Không
30	4	CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30				TC	Không		Không
31	4	HH70006	Hóa lý	3	45	45				BB	Không		HH70028
32	4	HH70008	Thực hành hóa lý	2	60		60			BB	Không		HH70004
33	4	HH70001	Hóa hữu cơ	3	45	45				BB	Không		HH70028
34	4	HH70007	Thực hành hóa hữu cơ	2	60		60			BB	Không		HH70004
35	4	CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30				TC	Không		Không
36	4	CB71402	Giáo dục thể chất 2 – Bóng đá	1	30	0	30			TC	Không		CB71401
37	4	CB71403	Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền	1	30	0	30			TC	Không		CB71401

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
38	4	CB71404	Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông	1	30	0	30			TC	Không		CB71401
39	5	CB71405	Giáo dục thể chất 3 – Fitness	1	30	0	30			TC	Không		Không
40	5	CB71406	Giáo dục thể chất 3 – Dancesport	1	30	0	30			TC	Không		Không
41	5	CB71407	Giáo dục thể chất 3 – Bóng rổ	1	30	0	30			TC	Không		Không
42	5	CB71408	Giáo dục thể chất 3 – Võ thuật	1	30	0	30			TC	Không		Không
43	5	CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1*	3	45	45	0			BB	Không		Không
44	5	CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2*	2	30	30	0			BB	Không		Không
45	5	CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3*	2	60	0	60			BB	Không		Không
46	5	CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4*	1	30	0	30			BB	Không		Không
47	5	CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30				BB	Không		Không
48	5	CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30				BB	Không		Không
49	5	TA70308	Intensive English 4	4	60	60				BB	Không		TA70307
50	5	HH70012	Xử lý số liệu và quy hoạch thực nghiệm	2	30	30				BB	Không		CB70202
51	5	MT70110	Năng lượng tái tạo	2	30	30				TC	Không		Không
52	5	MT71229	Quản lý sự thay đổi	2	30	30				TC	Không		Không
53	5	MT71230	Kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững	2	30	30				TC	Không		Không
54	5	QT71020	Quản trị vận hành	2	30	30				TC	Không		Không
55	5	HH71001	Hóa học xanh	2	30	30				TC	Không		HH70001

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
56	5	HH70005	Hóa vô cơ	2	30	30				BB	Không		HH70004
57	5	HH70014	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	2	30	30				BB	Không		HH70013
58	5	HH70016	Kỹ thuật phản ứng	2	30	30				BB	Không		HH70004
59	5	HH70017	Hóa học thực phẩm	2	30	30				BB	Không		HH70028
60	5	HH70018	Công nghệ hóa hương liệu	2	30	30				BB	Không		HH70001
61	6	MT71224	An toàn máy móc thiết bị	2	30	30				BB	Không		Không
62	6	HH70015	Quá trình và thiết bị truyền chất	2	30	30				BB	Không		HH70013
63	6	HH70019	Công nghệ lên men	3	60	30	30			BB	Không		HH70014
64	6	HH70020	Thực phẩm chức năng dược	3	60	30	30			BB	Không		HH70017
65	6	HH70022	Phương pháp phân lập và tinh chế	2	30	30				BB	Không		HH70014
66	6	HH70024	Phương pháp phân tích hiện đại	2	30	30				BB	Không		HH70001
67	6	HH71002	Thiết kế nhà máy hóa chất	2	45	15	30			TC	Không		HH70015
68	6	HH71003	Máy thiết bị và công nghiệp hóa chất	2	30	30				TC	Không		HH70015
69	6	HH71004	Kỹ thuật lạnh và ứng dụng	2	45	15	30			TC	Không		HH70015
70	6	HH71005	Công nghệ màng lọc ứng dụng	2	45	15	30			TC	Không		HH70015
71	6	HH71006	Thiết kế mô hình tối ưu hóa	2	30	30				TC	Không		HH70012
72	6	HH71007	Bao bì đóng gói	2	30	30				TC	Không		HH70017
73	6	HH71014	Quản lý chất lượng nhà máy hóa thực phẩm	2	30	30				TC	Không		HH70017
74	6	HH70025	Thực tập chuyên ngành	2	60		60			BB	Không		HH70015

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
75	7	TP71017	Ứng dụng 5S và Kaizen trong sản xuất	2	30	30				BB	Không		HH70009
76	7	HH70021	Thực hành quá trình và thiết bị	2	60		60			BB	Không		HH70014
77	7	HH70023	Kỹ thuật xúc tác	2	30	30				BB	Không		HH70028
78	7	HH71008	Công nghệ dược	3	60	30	30			TC	Không		HH70028
79	7	HH71009	Chế biến dầu và chất béo	3	60	30	30			TC	Không		HH70001
80	7	HH71010	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	3	60	30	30			TC	Không		HH70001
81	7	HH71011	Hóa dược	3	60	30	30			TC	Không		HH70001
82	7	HH71012	Hoạt chất bề mặt	2	30	30				TC	Không		HH70001
83	7	HH71013	Dược chất thiên nhiên	2	30	30				TC	Không		HH70001
84	7	TP71024	Độc tố thực phẩm	3	60	30	30			TC	Không		HH70017
85	7	TP70008	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	3	60	30	30			TC	Không		HH70017
86	7	TP71025	Phân tích thực phẩm	3	60	30	30			TC	Không		HH70017
87	7	TP70009	Phụ gia thực phẩm	3	60	30	30			TC	Không		HH70017
88	7	HH71015	Mỹ phẩm thiên nhiên	2	30	30				TC	Không		HH70001
89	7	HH71016	Kiểm nghiệm dược và thực phẩm	2	30	30				TC	Không		HH70009
90	7	HH71014	Công nghệ vật liệu composite	2	30	30				TC	Không		HH70015
91	7	HH71015	Công nghệ vật liệu nano	2	30	30				TC	Không		HH70015
92	8	HH70026	Thực tập tốt nghiệp	8	240				240	BB	Không		HH70025
93	8	HH70027	Khóa luận tốt nghiệp kỹ sư	10	300		300			BB	Không		HH70025
94	8	HH71019	Chuyên đề 1	3	90		30		60	TC	Không		Không

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
95	8	HH71020	Chuyên đề 2	3	90		30		60	TC	Không		Không
96	8	HH71021	Đồ án chuyên ngành CN Hóa	4	120			120		TC	Không		Không

4. Biên bản thông qua của Hội đồng Khoa học và đào tạo:

Đề án đã được Hội đồng khoa học và đào tạo trường thông qua (Biên bản kèm theo tại phụ lục của đề án)

5. Kế hoạch mua sắm Trang thiết bị, Giáo trình từ năm thứ 3 của ngành

❖ Kế hoạch mua sắm trang thiết bị:

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Học phần	Kế hoạch trang bị	Ghi chú
1	Phòng thí nghiệm Hóa						
1.1	Máy đo PH cầm tay	Mỹ hoặc Nhật Bản, 2023	5	Cái	Thực hành Hóa học đại cương	4/2024	
1.2	Cân phân tích 4 số lẻ	Mỹ hoặc Trung Quốc, 2023	2	Cái	Thực hành Hóa học đại cương	4/2024	
1.3	Bình hút âm, vĩ Inox 150mm 2,4 lít	Duran - Đức, 2023	1	Cái	Thực hành Hóa học đại cương	6/2024	
1.4	Cân kỹ thuật 2 số lẻ	Hàn Quốc, 2023	2	Cái	Thực hành Hóa học đại cương	6/2024	
1.5	Bình nhiệt lượng kế	Việt Nam	1	Cái	Thực hành Hóa học đại cương	6/2024	
1.6	Bếp điện	Daihan-Hàn Quốc, 2023	3	Cái	Thực hành hóa phân tích	6/2024	
1.7	Máy khuấy từ gia nhiệt	IKA – Đức, 2023	2	Cái	Thực hành hóa hữu cơ	6/2024	
1.8	Bể điều nhiệt tuần hoàn	AS ONE	1	Cái	Thực hành hóa hữu cơ	6/2024	
2	Phòng và thiết bị thực hành Vệ sinh lao động						
2.1	Mô hình khảo sát thiết bị truyền nhiệt vỏ ống	Mỹ, 2024	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Học phần	Kế hoạch trang bị	Ghi chú
2.2	Mô hình khảo sát thiết bị chung	Mỹ, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.3	Mô hình khảo sát thiết bị vận chuyển lưu chất	Việt Nam, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.4	Mô hình khảo sát thiết bị sấy	Việt Nam, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.5	Mô hình khảo sát quá trình khuấy trộn	Việt Nam, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.6	Mô hình khảo sát thiết bị hấp thụ loại đệm	Việt Nam, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.7	Mô hình khảo sát trở lực lưu chất	Việt Nam, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.8	Mô hình khảo sát thiết bị cô đặc	Việt Nam, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	

❖ **Kế hoạch mua sắm giáo trình:**

Với nguồn tài liệu sẵn có và sự hỗ trợ từ phía thư viện của nhà trường nên đã đáp ứng hoàn tất giáo trình học liệu. Ngoài ra, trong quá trình triển khai CTĐT nếu cần cung cấp thêm giáo trình mới Khoa sẽ làm Phiếu bổ sung tài liệu và thư viện trường sẽ hỗ trợ đề xuất mua đáp ứng tùy tình hình thực tế.

6. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo

Lộ trình phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý theo số lượng tuyển sinh tăng dần số lượng đạt 10% mỗi năm học tùy theo tình hình thực tế có kế hoạch bổ sung mời thỉnh giảng theo chuyên ngành khác nhau.

Bảng: Lộ trình phát triển nguồn nhân lực 5-6 năm (tính theo năm học)

Đội ngũ	Năm học	Trình độ CM	Số lượng hiện có	Số lượng dự báo theo các năm học					
				2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	2029-2030
Cán bộ quản lý khoa			4	4	5	7	7	7	7
Trưởng khoa	TS/PGS		1	1	1	1	1	1	1
Phó khoa	TS/PGS		1	1	2	2	2	2	2
Trưởng bộ môn	TS/PGS		1	1	1	2	2	2	2
Phó bộ môn	ThS/TS		1	1	1	2	2	2	2
Giảng viên chuyên ngành			11	12	13	14	15	16	16
Chuyên ngành hóa cơ bản	ThS/TS		1	1	1	1	2	2	2
Chuyên ngành Hóa phân tích	ThS/TS		1	1	1	1	1	1	1
Chuyên ngành Hóa hữu cơ	ThS/TS		1	1	1	1	1	1	1
Chuyên ngành Hóa lý	ThS/TS		1	1	1	1	1	1	1
Chuyên ngành Hóa vô cơ	ThS/TS		1	1	1	1	1	1	1
Chuyên ngành Máy và thiết bị	ThS/TS		1	1	2	2	2	2	2
Chuyên ngành Hóa dược	ThS/TS		0	1	1	2	2	3	3
Chuyên ngành Kỹ thuật hóa học	ThS/TS		5	5	5	6	6	6	6

7. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

7.1. Các rủi ro có thể xảy ra

- Không tuyển sinh đủ số lượng sinh viên theo kế hoạch năm học.
- Không tuyển đủ số lượng giảng viên phụ trách ngành đào tạo.
- Ngành bị đình chỉ trong quá trình đào tạo.
- Rủi ro xảy ra trong thời gian đào tạo liên quan đến thi, kiểm định chất lượng.

7.2. Biện pháp phòng ngừa rủi ro

7.2.1. Giải pháp đảm bảo tuyển sinh

a) Xây dựng và nâng cao hình ảnh thương hiệu của Khoa Công nghệ, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai thông qua website, fanpage và các hoạt động thường niên của Khoa, Trường.

b) Xây dựng và thực hiện kế hoạch quảng bá tuyển sinh, chương trình tuyển sinh hàng năm.

c) Ký biên bản ghi nhớ với các Trường THPT và thực hiện chương trình tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp cho học sinh.

d) Xây dựng các chính sách hỗ trợ sinh viên đi thực tập tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế phục vụ cho chương trình đào tạo.

e) Xây dựng các chính sách về học bổng, tuyển thẳng, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ sinh viên trong thực tế và thực hành nghề nghiệp.

7.2.2. Giải pháp đảm bảo năng lực giảng viên

a) Xây dựng, tuyển dụng đội ngũ giảng viên có chất lượng ngay từ khi xây dựng đề án, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động đào tạo, nâng cao uy tín của Khoa, Trường để thu hút lực lượng Giáo viên đủ năng lực.

b) Xây dựng chính sách tuyển dụng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và chế độ phúc lợi để thu hút giảng viên.

7.2.3. Giải pháp đảm bảo mở được mã ngành: Thực hiện đầy đủ các quy định về mở ngành đào tạo mới theo đúng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.3. Giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Trường hợp ngành đào tạo bị đình chỉ hoạt động, các giải pháp cụ thể để đảm bảo quyền lợi cho người học, giảng viên, cơ sở đào tạo và các bên liên quan như sau:

TT	Đối tượng	Giải pháp
1	Người học (Sinh viên)	Phương án 1: Người học được đảm bảo tổ chức hoàn thành chương trình đào tạo. Phương án 2: Người học được xem xét chuyển ngành đào tạo (điều kiện trúng tuyển tương đương) theo quy định của Trường. Phương án 3: Thương lượng, hợp tác với các trường ĐH có chung ngành đào tạo để chuyển đổi đảm bảo quyền lợi của SV.
2	Giảng viên	Phương án 1: Sắp xếp Giảng viên tham gia giảng dạy các học phần phù hợp chuyên môn ở các ngành khác trong Trường.

		Phương án 2: Sắp xếp công việc, thỏa thuận với Giảng viên theo quy định của Bộ luật lao động, thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động,...
3	Cơ sở đào tạo và các bên liên quan	Xác định các nội dung chưa phù hợp, tiến hành phân tích, đánh giá và thực hiện các giải pháp (theo từng trường hợp) để được cho phép hoạt động ngành trở lại.

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Địa chỉ website: <https://dntu.edu.vn>

Trang thông tin được thường xuyên cập nhật những thông tin hoạt động diễn ra trong trường. Trên đó: trường công bố các điều kiện đảm bảo chất lượng (theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017), kết quả kiểm định chất lượng giáo dục tại mục “Đảm bảo chất lượng”. Thông tin sinh viên tốt nghiệp có thể được tra cứu nhanh chóng, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp được khảo sát và công bố hằng năm; Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố cho sinh viên biết; mức học phí được công bố theo khóa học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Từ các căn cứ khoa học cũng như thực trạng đào tạo và nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học; với sự chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên và cơ sở vật chất, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai kính đề nghị được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học - mã ngành 7510401 kể từ năm 2024.

3. Cam kết triển khai thực hiện

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai cam kết thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo.

Đồng Nai, ngày 02 tháng 12 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PHỤ TRÁCH KHOA

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Thúy Lan Chi

ThS. Nguyễn Thành Công

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- HĐT (để báo cáo);
- BGH (để theo dõi và chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: P.ĐH, P.TCHC, Khoa Công nghệ

Số: 503/QĐ-ĐHCNĐN

Đồng Nai, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công chủ trì ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học
trình độ Đại học – mã số: 7510401

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật giáo dục đại học năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 16 tháng 06 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐT ngày 01 tháng 09 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đại học và Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công PGS.TS Tôn Thất Minh, chuyên môn: Hóa học, làm chủ trì ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ Đại học – mã số: 7510401.

Điều 2. PGS.TS Tôn Thất Minh có nhiệm vụ xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, và tham gia các hoạt động chuyên môn thuộc chương trình đào tạo được phân công chủ trì.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị, cá nhân có liên quan và PGS.TS Tôn Thất Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: P. TC-HC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thúy Lan Chi